

Số: 200/ĐA-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2024

ĐỀ ÁN

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 7316/BNV-CQĐP ngày 12/12/2023 về phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 tỉnh Bắc Giang,

UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025.

- Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 25/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023- 2030.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 29/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Phương án số 72/PA-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025.

- Công văn số 7316/BNV-CQĐP ngày 12/12/2023 của Bộ Nội vụ về ý kiến đối với Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Bắc Giang và ý kiến của Bộ, ngành trung ương có liên quan.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC TỈNH BẮC GIANG

Sau 27 năm tái lập, tỉnh Bắc Giang đã phát triển nhanh chóng về công nghiệp, đô thị và kinh tế - xã hội; nhiều năm liền giá trị GRDP, thu hút đầu tư FDI, xuất khẩu, các chỉ số PCI, PAPI, ParIndex đứng top đầu cả nước; đến hết năm 2023 quy mô nền kinh tế đứng thứ 12 cả nước; đời sống nhân dân nâng cao, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội giữ vững; hạ tầng xã hội và hạ tầng đô thị có nhiều chuyển biến tích cực.

Cùng với sự phát triển đã bộc lộ những bất cập: Mô hình các ĐVHC cấp huyện chưa phù hợp với quy hoạch và sự phát triển chung; thành phố Bắc Giang với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng có diện tích nhỏ hẹp ($66,55 \text{ km}^2$), thiếu quỹ đất để phát triển; huyện Lục Ngạn có diện tích quá rộng ($1.032,51 \text{ km}^2$), địa hình, địa bàn dân cư phân tán không đồng đều, việc quản lý, điều hành, thực hiện chính sách an sinh xã hội hạn chế, có sự chênh lệch lớn về thu nhập giữa người dân lân cận thị trấn và vùng cao; quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh khó khăn (*Trường bắn quốc gia TB1 thuộc địa giới hành chính của cả huyện Lục Ngạn và Sơn Động*). Khu vực phía Đông Bắc

của tỉnh gồm Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam chưa có đô thị động lực để tạo đà cho phát triển dịch vụ thương mại, du lịch trên địa bàn; tỷ lệ dân số đô thị chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và tốc độ phát triển của tỉnh.

Một số ĐVHC cấp xã có quy mô nhỏ, không bảo đảm tiêu chuẩn dẫn đến phân tán nguồn lực, không khai thác hết tiềm năng, chia cắt không gian phát triển; gây khó khăn trong lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng.

Sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện, cấp xã và phát triển đô thị nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC, thực tiễn phát triển của mỗi ĐVHC cấp huyện và tỉnh Bắc Giang; góp phần phát huy tốt các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao tỷ lệ dân số đô thị phù hợp xu hướng chung toàn quốc.

1. Sự cần thiết nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang

1.1. Nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang xuất phát từ yêu cầu thực trạng phát triển của thành phố Bắc Giang

Thành phố Bắc Giang là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội của tỉnh Bắc Giang, có vị trí thuận lợi về giao thông, cách thủ đô Hà Nội 50 km về phía Bắc, nằm trên tuyến giao thông huyết mạch chiến lược (*gồm đường bộ, đường sắt liên vận quốc tế*) nối Thủ đô Hà Nội với thành phố Lạng Sơn và cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng. Được xác định là đầu mối giao thông cấp liên vùng quan trọng: Nằm cận kề vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có hệ thống đường bộ gồm các quốc lộ 1A cũ và mới, quốc lộ 31, quốc lộ 37, tỉnh lộ 398, 293...; các tuyến đường sắt: Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Kép - Hạ Long, Hà Nội - Kép - Thái Nguyên chạy qua; có tuyến đường sông nối thành phố với các trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch lớn như Phả Lại, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Yên Tử, Hải Phòng; tiếp cận thuận lợi với cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng nội địa Gia Lâm, cảng nước sâu Cái Lân, cảng Hải Phòng và các cửa khẩu quốc tế trên biên giới Lạng Sơn... đó là những thuận lợi cơ bản để phát triển kinh tế - xã hội và đô thị. Tuy nhiên, hiện nay thành phố Bắc Giang hiện có diện tích tự nhiên 66,55 km², nhỏ so với các đô thị là trung tâm tỉnh lỵ của các tỉnh đã được mở rộng không gian phát triển đô thị.

1.2. Theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 thì thành phố thuộc tỉnh có diện tích tự nhiên 150 km² và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã từ 65% trở lên nhưng thành phố Bắc Giang hiện nay có 66,55 km² diện tích tự nhiên và tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã mới đạt 62,5%. Để đảm bảo tỷ lệ phường trên tổng số đơn vị hành chính và phấn đấu xây dựng đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I đến năm 2030 đòi hỏi phải mở rộng không gian phát triển của thành phố.

1.3. Nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển của huyện Yên Dũng

Huyện Yên Dũng có đường địa giới hành chính liền kề với thành phố Bắc Giang, sát với khu tam giác kinh tế phía Bắc và gần các trung tâm đô thị lớn. Trong những năm qua, huyện Yên Dũng đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; chính trị, an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, mô hình quản lý của chính quyền nông thôn hiện nay làm hạn chế khả năng đột phá của địa phương, nếu được gắn kết với thành phố Bắc Giang sẽ “đánh thức” tiềm năng chuyển hóa thành thế mạnh, nguồn lực cho phát triển, đó là:

- Về điều kiện đất đai, huyện Yên Dũng có diện tích tự nhiên 191,74 km² (19.173,83 ha), trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 126,43 km² (12.624,31 ha), chiếm 65,84%, diện tích đất phi nông nghiệp khoảng 65,02 km² (6.502,85 ha), chiếm 33,91% và diện tích đất chưa sử dụng là 0,47 km² (46,68 ha); đảm bảo không gian để phát triển đô thị, bố trí các khu, cụm công nghiệp và khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Bắc Giang.

- Về giao thông, huyện Yên Dũng có cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, cao tốc Nội Bài Hà Nội - Bắc Ninh - Hạ Long (*quy hoạch tuyến Đường vành đai 5 - Vùng thủ đô*); Quốc lộ 17, đường tỉnh 293 qua địa bàn huyện Yên Dũng có tổng chiều dài 19,5 km, đường tỉnh 299B có chiều dài tuyến 7,00 km, đường tỉnh 299C có chiều dài tuyến 3,0 km, đường tỉnh 398D có chiều dài 0,7 km.

- Về phát triển công nghiệp, huyện Yên Dũng có khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng quy mô 160 ha (*trong đó thuộc xã Nội Hoàng 61,4 ha*); khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Yên Lư quy mô 733,3 ha; khu công nghiệp đô thị - dịch vụ Đức Giang quy mô 325 ha, khu công nghiệp đô thị - dịch vụ Đồng Phúc quy mô 400 ha... tập trung phát triển các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, công nghiệp dệt may, da giày.

- Về phát triển du lịch, huyện Yên Dũng có khu di tích Quốc gia đặc biệt Chùa Vĩnh Nghiêm với quy mô khoảng 32 ha, Thiền viện Trúc lâm Phương Hoàng, sân Golf và dịch vụ tại xã Tiên Phong, khu du lịch sinh thái gần dãy núi Nham Biền, xã Tiên Phong, du lịch đường thủy trên sông Thương tại xã Tân Liễu (dãy Nham Biền) tới xã Trí Yên (chùa Vĩnh Nghiêm), đền Kiếp Bạc (Hải Dương).

Như vậy, huyện Yên Dũng có tiềm năng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đô thị, dịch vụ - thương mại, du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa, lễ hội; sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, có tiềm năng phát triển, hình thành đô thị vệ tinh cửa ngõ phía Nam của thành phố Bắc Giang; đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy quan trọng, có vị trí trung gian kết nối trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hải Dương; có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh của tỉnh Bắc Giang và vùng Thủ đô Hà Nội. Theo đó, khi nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, phân bố lại không gian

phát triển công nghiệp, đô thị, du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, các khu dân cư nông thôn; hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung.

2. Sự cần thiết sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động

2.1. Điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động, giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn nhằm giải quyết các bất hợp lý về địa giới hành chính

a) Đối với huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn

Trường bản Quốc gia khu vực 1 (*gọi tắt là TB1; tiền thân là Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn*) thuộc Quân khu 1 (Bộ Quốc phòng) được thành lập năm 1980 nằm trên địa giới hành chính của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích tự nhiên của Trường bản thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang nằm trên cả 2 huyện Lục Ngạn (148,84 km²) và Sơn Động (75,93 km²). Trường bản và chính quyền địa phương thuộc 2 huyện Sơn Động và Lục Ngạn cùng phối hợp quản lý. Trong đó Trường bản sử dụng phần diện tích tự nhiên để xây dựng doanh trại, cơ sở huấn luyện và các hạng mục quốc phòng khác, chính quyền địa phương 02 huyện Lục Ngạn và Sơn Động cùng quản lý địa giới hành chính... tại quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ và quy hoạch vùng huyện Lục Ngạn, UBND tỉnh Bắc Giang đã định hướng điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn. Trong đó đề xuất phương án chuyển 75,93 km² diện tích tự nhiên là đất quốc phòng của Trường bản thuộc huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý để giải quyết bất cập về quản lý địa giới hành chính và đảm bảo tốt công tác quản lý quốc phòng an ninh tại Trường bản Quốc gia TB1. Như vậy, việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn nhằm đảm bảo công tác quốc phòng là cần thiết, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với xã Thanh Hải và xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn

Khuân Rẽo là thôn miền núi thuộc xã Thanh Hải có diện tích tự nhiên 11,98 km², có vị trí tiếp giáp với xã Biên Sơn, nằm ở vị trí biệt lập so với các thôn khác của xã Thanh Hải. Từ thôn Khuân Rẽo đến trung tâm xã Thanh Hải giao thông đi lại khó khăn, chủ yếu là đường giao thông nông thôn được đổ bê tông, việc đi lại của thôn Khuân Rẽo phụ thuộc tuyến đường qua xã Biên Sơn... Dân cư thôn Khuân Rẽo có 520 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc Nùng, có phong tục tập quán sản xuất, sinh hoạt tương đồng, có mối liên hệ gắn bó gần gũi với cộng đồng dân tộc Nùng tại các thôn lân cận của xã Biên Sơn. Việc điều chỉnh địa giới hành chính thôn Khuân Rẽo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn quản lý là phù hợp với điều kiện thực tế vị trí địa lý, điều kiện kinh tế, dân cư xã hội, đảm bảo tuân thủ quy hoạch chung đô thị Chũ, quy hoạch vùng huyện Lục Ngạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Sự cần thiết sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động

a) Thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn xuất phát từ đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và công tác quản lý địa giới hành chính của huyện Lục Ngạn hiện nay:

- Về đặc điểm địa hình, huyện Lục Ngạn hình thành 2 vùng phát triển có tính chất khác biệt, gồm: Vùng đồi thấp (vùng trung tâm), gồm thị trấn Chũ và các xã: Hồng Giang, Thanh Hải, Trù Hựu, Phượng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành của huyện Lục Ngạn (*nằm trong phạm vi quy hoạch chung đô thị Chũ*). Đây là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp chế biến hoa quả, tiểu thủ công nghiệp, du lịch sinh thái kiểu miệt vườn, hình thành một đô thị hiện đại với hạt nhân là thị trấn Chũ. Theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 thì vùng trung tâm huyện Lục Ngạn - đô thị Chũ được xác định trở thành đô thị động lực phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang. Vùng còn lại là đồi núi cao, gồm 19 xã còn lại của huyện Lục Ngạn; vùng này có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, tiềm năng, có thể phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc và trồng cây ăn quả; việc thành lập huyện Lục Ngạn gồm các xã miền núi vùng cao của huyện Lục Ngạn hiện hữu giúp cho công tác quản lý hành chính được thuận lợi.

- Thực tiễn công tác quản lý nhà nước trên địa bàn đòi hỏi sự ra đời của một bộ máy chính quyền đô thị quy mô thị xã ở khu vực vùng đồi thấp, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Mặt khác, việc thành lập thị xã Chũ trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn góp phần thực hiện hiệu quả Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang nói chung, huyện Lục Ngạn nói riêng.

b) Hiện nay, Bắc Giang là tỉnh trung du thuộc vùng Đông Bắc bộ, nằm trong quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; tỉnh Bắc Giang chiếm phần lớn diện tích của vùng Kinh Bắc xưa, có nền văn hoá phong phú, đặc trưng của Kinh Bắc, trung tâm tỉnh lỵ cách thành phố Hà Nội khoảng 50 km. Hiện nay ngoài thành phố Bắc Giang (*là đô thị trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế - văn hóa, xã hội*) thì vùng phía Đông Bắc của tỉnh (*khu vực thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn*) chưa có đô thị động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng. Do vậy, cần thiết phải đầu tư xây dựng một đô thị trung tâm tương xứng nhằm tạo động lực mạnh để phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang cũng như của cả khu vực Đông Bắc bộ.

3. Sự cần thiết sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Bắc Giang và các huyện: Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên và Hiệp Hòa

3.1. Sắp xếp, nhập các ĐVHC cấp xã nhằm thực hiện chủ trương về sắp xếp ĐVHC của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ. Trong đó quy định các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 gồm: ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn. Khuyến khích việc sắp xếp các ĐVHC không thuộc diện sắp xếp để giảm số lượng ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

3.1. Về thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quản lý hành chính lãnh thổ

Việc nhập ĐVHC cấp xã có quy mô nhỏ thành ĐVHC có quy mô hợp lý, tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số để quy hoạch đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản. Đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ công. Theo đó, các ĐVHC cấp xã sắp xếp lại gồm:

- Phường Lê Lợi, Trần Phú, Trần Nguyên Hãn và xã Lão Hộ thuộc thành phố Bắc Giang (sau sắp xếp).

- Xã Đồng Tân, Thanh Vân, Quang Minh, Hòa Sơn, Đại Thành, Hùng Sơn, Thái Sơn, Hoàng Lương, Hoàng Thanh, Hoàng An thuộc huyện Hiệp Hòa.

- Xã Mỹ Hà, Yên Mỹ thuộc huyện Lạng Giang.

- Xã Vũ Xá thuộc huyện Lục Nam.

- Xã Quang Tiến, Lan Giới, Đại Hóa, Phúc Sơn thuộc huyện Tân Yên.

- Xã Đồng Kỳ, Hồng Kỳ, Tam Hiệp, Tân Hiệp thuộc huyện Yên Thế.

Đây là những ĐVHC cấp xã có quy mô diện tích tự nhiên và dân số nhỏ so với quy định, thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023-2025; có lịch sử cùng được tách ra từ 01 ĐVHC cũ; vị trí địa lý giáp ranh liền kề; văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận tiện cho giao dịch của người dân, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH BẮC GIANG TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương từ năm 1945 đến nay

1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Trong suốt chiều dài lịch sử, vùng đất Bắc Giang ngày nay đã từng có nhiều tên gọi và quy mô địa giới hành chính khác nhau: Thời vua Hùng, vùng

đất Bắc Giang thuộc bộ Vũ Ninh của nước Văn Lang. Năm 1010, nhà Lý chia đất nước ra làm 24 lộ; lộ Bắc Giang đã xuất hiện trên bản đồ nước Đại Việt. Về sau, lộ Bắc Giang tiếp tục có những sự điều chỉnh về địa giới hành chính, thay đổi tên gọi, như: Năm 1469, nhà Lê đổi tên lộ Bắc Giang thành thừa tuyên Bắc Giang, rồi trấn Kinh Bắc. Năm 1822, nhà Nguyễn đổi trấn Kinh Bắc thành trấn Bắc Ninh, năm 1831 lại đổi thành tỉnh Bắc Ninh. Đến 10/10/1895, tỉnh Bắc Ninh được chia thành 2 tỉnh, tỉnh Bắc Giang được thành lập từ đó, bao gồm phủ Lạng Giang, phủ Đa Phúc và các huyện Kim Anh, Yên Dũng, Phượng Nhỡn, Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Thế và một số tổng nằm ở phía nam sông Lục Nam. Tỉnh lỵ là Phủ Lạng Thương (*nay là thành phố Bắc Giang*). Năm 1896, phủ Đa Phúc và huyện Kim Anh chuyển về tỉnh Bắc Ninh.

- Năm 1950, tỉnh Bắc Giang thuộc Liên khu Việt Bắc (1949-1956) và gồm 7 huyện: Hiệp Hoà, Lục Ngạn, Yên Thế, Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng, Hữu Lũng.

- Ngày 22/2/1955, huyện Sơn Động từ tỉnh Quảng Yên chuyển về tỉnh Bắc Giang.

- Ngày 01/7/1956, khi thành lập khu tự trị Việt Bắc, huyện Hữu Lũng sáp nhập vào tỉnh Lạng Sơn thuộc khu tự trị Việt Bắc. Đồng thời, huyện Phú Bình thuộc tỉnh Thái Nguyên được nhập vào tỉnh Bắc Giang, đến ngày 15/6/1957 lại chuyển về tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 21/01/1957, thành lập huyện Lục Nam từ một số xã của các huyện Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Ngạn, Sơn Động và 3 xã của huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Ngày 06/11/1957, chia huyện Yên Thế thành 2 huyện: Yên Thế và Tân Yên.

- Năm 1959, đổi tên thị xã Phủ Lạng Thương thành thị xã Bắc Giang.

- Ngày 27/10/1962, tỉnh Bắc Giang nhập với tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc. Tỉnh Hà Bắc có 18 ĐVHC cấp huyện, gồm: 02 thị xã, 16 huyện và 348 ĐVHC cấp xã.

1.2. Giai đoạn 1975 - 1997

- Năm 1985, điều chỉnh địa giới một số xã thuộc huyện Sơn Động theo Quyết định số 21-HĐBT năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng. Tiếp đó, tại Quyết định số 130-HĐBT năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về sáp nhập xã Dĩnh Kế thuộc huyện Lạng Giang và xã Song Mai thuộc huyện Việt Yên vào thị xã Bắc Giang. Trong đó: Giải thể xã Phúc Thắng, sáp nhập vào xã Quế Sơn và trường bản TB1; giải thể xã Thạch Sơn, sáp nhập vào xã Vân Sơn và trường bản TB1.

- Năm 1991, Ban Tổ chức Chính phủ (*nay là Bộ Nội vụ*) có Quyết định về thành lập thị trấn An Châu thuộc huyện Sơn Động; đến năm 1993, chia tách một số xã thuộc huyện Sơn Động.

- Năm 1994, Chính phủ có Quyết định số 103-CP về thành lập và đổi tên một số xã, phường thuộc các huyện Yên Thế, Yên Dũng và thị xã Bắc Giang.

- Năm 1995, Chính phủ có Quyết định số 58-CP về mở rộng thị trấn Chũ thuộc huyện Lục Ngạn.

- Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX có Nghị quyết về tái lập tỉnh Bắc Giang có 10 ĐVHC gồm thị xã Bắc Giang và 09 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng.

- Năm 1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/NĐ-CP và Nghị định số 116/NĐ-CP của về thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Tân Yên, Lục Nam, Việt Yên, Lạng Giang, gồm:

+ Thành lập thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên trên cơ sở một phần các xã Cao Thượng, Cao Xá, Liên Sơn.

+ Thành lập thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam trên cơ sở một phần các xã Chu Điện, Tiên Hưng, Tam Dị.

+ Thành lập thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên trên cơ sở một phần xã Bích Sơn.

+ Thành lập thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang trên cơ sở một phần xã Yên Mỹ.

1.3. Giai đoạn 1997 - 2018

- Nghị định số 33/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập một số phường, xã thuộc thị xã Bắc Giang và huyện Yên Thế, gồm:

+ Thành lập phường Thọ Xương, thị xã Bắc Giang trên cơ sở một phần xã Thọ Xương.

+ Thành lập xã Xương Giang, thị xã Bắc Giang trên cơ sở phần còn lại của xã Thọ Xương.

+ Thành lập phường Hoàng Văn Thụ, thị xã Bắc Giang trên cơ sở một phần phường Lê Lợi và xã Dĩnh Kế.

+ Thành lập xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế trên cơ sở một phần xã Đồng Vương.

- Nghị định số 16/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập một số thị trấn thuộc các huyện Tân Yên và Việt Yên.

- Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 07/6/2005 của Chính phủ về thành lập thành phố Bắc Giang.

- Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/7/2007 của Chính phủ về giải thể thị trấn Nông trường Cam Bó Hạ thuộc huyện Lạng Giang, điều chỉnh địa giới hành chính xã Tân An để thành lập thị trấn Tân Dân thuộc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/11/2008 của Chính phủ về giải thể thị trấn Nông trường Yên Thế, huyện Yên Thế; điều chỉnh địa giới xã, thành lập xã, thị trấn thuộc huyện Yên Thế, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Nghị quyết số 36/NQ-CP năm 2010 của Chính phủ về sáp nhập xã Đình Trì thuộc huyện Lạng Giang; các xã: Đồng Sơn, Song Khê, Tân Mỹ, Tân Tiến thuộc huyện Yên Dũng vào thành phố Bắc Giang.

- Nghị quyết số 140/NQ-CP năm 2013 của Chính phủ về thành lập các phường: Đa Mai, Đình Kê, Xương Giang thuộc thành phố Bắc Giang.

Như vậy, đến năm 2018, ĐVHC cấp huyện có 10 đơn vị, trong đó có 07 ĐVHC cấp huyện miền núi, 02 ĐVHC huyện đồng bằng và 01 thành phố; ĐVHC cấp xã có 230 đơn vị. Trong đó có 188 ĐVHC cấp xã miền núi; 42 ĐVHC cấp xã đồng bằng; gồm 204 xã, 16 thị trấn, 10 phường.

1.4. Giai đoạn từ 2019 đến nay

- Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang. Theo đó, từ ngày 01/01/2020, tỉnh Bắc Giang có 10 ĐVHC cấp huyện, gồm 09 huyện và 01 thành phố; 209 ĐVHC cấp xã (gồm 184 xã, 10 phường và 15 thị trấn).

- Ngày 22/5/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 510/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị trấn Phương Sơn và thị trấn Bắc Lý.

- Ngày 13/12/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 938/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

Tỉnh Bắc Giang có 10 ĐVHC cấp huyện gồm thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và 08 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 ĐVHC cấp xã (gồm 175 xã, 19 phường và 15 thị trấn).

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH BẮC GIANG

1. Tỉnh Bắc Giang

1.1. Diện tích tự nhiên: 3.895,9 km², đạt tỷ lệ 48,7% tiêu chuẩn.

1.2. Quy mô dân số: 2.075.653 người, đạt tỷ lệ 230,6% tiêu chuẩn.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Bắc Giang

Năm 2023, với tinh thần nỗ lực, phát triển kinh tế bền vững, tạo bút phá cho thực hiện thắng lợi các mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chủ động chỉ đạo triển khai quyết liệt, bài bản, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm nên kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Bắc Giang tiếp tục phát triển toàn diện.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt 13,45%. Quy mô nền kinh tế GRDP vươn lên vị trí thứ 12 cả nước, đạt 181,9 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 7,6 tỷ USD, tăng 01 bậc so với năm 2022, tiếp tục đứng đầu vùng Trung du miền núi phía Bắc. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển mạnh theo hướng tăng

tỷ trọng công nghiệp; trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 65,7%. Chỉ số sản xuất (IIP) cả năm ước tăng 20,2%. Giá trị sản xuất (GTSX) ước đạt 541.169 tỷ đồng, tăng 22%. Chỉ số PCI tăng 29 bậc, đứng thứ 02 cả nước; chỉ số chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp đứng đầu cả nước; chỉ số CCHC (Par Index) tăng 03 bậc, đứng thứ 04 cả nước; chỉ số về chuyển đổi số tăng 01 bậc, đứng thứ 09 cả nước; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đứng thứ 03 cả nước... Thu hút đầu tư đạt trên 3,3 tỷ USD, trong đó thu hút FDI đạt xấp xỉ 3 tỷ USD, chỉ sau 03 tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng, tính riêng vốn cấp mới FDI Bắc Giang đứng thứ 02 cả nước sau tỉnh Quảng Ninh. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng mạnh so với năm 2022; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm đạt 52,4 tỷ USD, tăng 20,9%; riêng xuất khẩu đạt 27,4 tỷ USD tăng 22,3%, đứng thứ 06 cả nước, xuất siêu 2,4 tỷ USD.

Thu ngân sách nhà nước đạt trên 17.278,9 tỷ đồng, vượt 14,8% dự toán, trong đó thu nội địa đạt trên 15.598 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (*theo chuẩn mới 2021-2025*) còn 2,63%. Tỷ lệ người dân có thể bảo hiểm y tế là 99,26%, đạt 100% kế hoạch (*cả nước 92%*). An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tăng 39 bậc, đứng đầu cả nước.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 10 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và 08 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên và Hiệp Hoà.

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không có.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp lại: 04 đơn vị (*01 thành phố, 03 huyện*).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: Có 209 ĐVHC cấp xã (*175 xã, 19 phường và 15 thị trấn*).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 32 đơn vị (*03 phường, 01 thị trấn và 28 xã*) gồm: Huyện Hiệp Hòa có 10 đơn vị (10 xã); huyện Lạng Giang có 02 đơn vị (02 xã); huyện Lục Nam có 02 đơn vị (02 xã); huyện Tân Yên có 05 đơn vị (01 thị trấn và 04 xã); huyện Yên Thế có 07 đơn vị (07 xã); huyện Lục Ngạn có 01 đơn vị (01 xã); thị xã Việt Yên có 01 đơn vị (01 xã) và thành phố Bắc Giang mở rộng có 04 đơn vị (03 phường và 01 xã).

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 08 đơn vị (*01 thị trấn và 07 xã*), gồm: Huyện Lục Nam có 01 xã; huyện Tân Yên có 01 thị trấn; huyện Yên Thế có 04 xã; huyện Lục Ngạn có 01 xã và thị xã Việt Yên có 01 xã.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 08 đơn vị (01 phường, 01 thị trấn và 06 xã) gồm: Huyện Hiệp Hòa có 01 xã; huyện Lạng Giang có 02 xã; huyện Lục Nam có 01 xã; huyện Tân Yên có 01 xã; huyện Yên Thế có 01 xã và thành phố Bắc Giang có 02 đơn vị (01 phường và 01 thị trấn).

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không có.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp lại

3.1. Thành phố Bắc Giang

3.1.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

3.1.2. Diện tích tự nhiên: 66,55 km², đạt tỷ lệ 44,37%.

3.1.3. Quy mô dân số: 194.171 người, đạt tỷ lệ 129,45%.

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.240 người, chiếm tỷ lệ 1,67%.

3.1.5. Số ĐVHC trực thuộc: 16 đơn vị (10 phường và 06 xã).

3.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị xã Việt Yên và các huyện Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng.

3.2. Huyện Yên Dũng

3.2.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 191,74 km², đạt tỷ lệ 42,61%.

3.2.3. Quy mô dân số: 176.980 người, đạt tỷ lệ 147,48%.

3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.241 người, chiếm tỷ lệ 1,27%.

3.2.5. Số ĐVHC trực thuộc: 18 đơn vị (02 thị trấn và 16 xã).

3.2.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.2.7. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và các huyện Lục Nam, Lạng Giang, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3.3. Huyện Lục Ngạn

3.3.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

3.3.2. Diện tích tự nhiên: 1.032,51 km², đạt tỷ lệ 121,47%.

3.3.3. Quy mô dân số: 254.506 người, đạt tỷ lệ 795,33%.

3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 133.144 người, chiếm tỷ lệ 52,31%.

3.3.5. Số ĐVHC trực thuộc: 29 đơn vị (01 thị trấn và 28 xã).

3.3.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chính sách dân tộc miền núi đối với các xã vùng cao.

3.3.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện Sơn Động, Lục Nam; huyện Đình Lập, Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3.4. Huyện Sơn Động

3.4.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

3.4.2. Diện tích tự nhiên: 860,56 km², đạt tỷ lệ 101,24%.

3.4.3. Quy mô dân số: 89.311 người, đạt tỷ lệ 279,10%.

3.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 53.364 người, chiếm tỷ lệ 59,75%.

3.4.5. Số ĐVHC trực thuộc: 17 đơn vị (02 thị trấn và 15 xã).

3.4.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Các chính sách của huyện nghèo miền núi.

3.4.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện Lục Ngạn, Lục Nam; huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; thị xã Đông Triều, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

IV. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 24 đơn vị (gồm 03 phường và 21 xã)

1.1. Phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang

1.1.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,87 km², đạt tỷ lệ 15,82%.

1.1.3. Quy mô dân số: 11.950 người, đạt tỷ lệ 170,7%.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 180 người, chiếm tỷ lệ 1,5%.

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Ngô Quyền, Thọ Xương, Trần Phú.

1.2. Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang

1.2.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,91 km², đạt tỷ lệ 16,55%.

1.2.3. Quy mô dân số: 11.285 người, đạt tỷ lệ 161,21%.

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 192 người, chiếm tỷ lệ 1,7%.

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Mỹ Độ và xã Tân Tiến.

1.3. Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang

1.3.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,98 km², đạt tỷ lệ 17,82%.

1.3.3. Quy mô dân số: 10.014 người, đạt tỷ lệ 143,05%.

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 214 người, chiếm tỷ lệ 2,14%.

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Lê Lợi, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn.

1.4. Xã Lão Hộ, thành phố Bắc Giang (sau sắp xếp)

1.4.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.4.2. Diện tích tự nhiên: 4,6 km², đạt tỷ lệ 15,33%.

1.4.3. Quy mô dân số: 3.989 người, đạt tỷ lệ 49,86%.

1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 49 người, chiếm tỷ lệ 1,23%.

1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quỳnh Sơn và thị trấn Tân An.

1.5. Xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa

1.5.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.5.2. Diện tích tự nhiên: 4,18 km², đạt tỷ lệ 13,93%.

1.5.3. Quy mô dân số: 6.375 người, đạt tỷ lệ 79,69%.

1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 72 người; chiếm tỷ lệ 1,13%.

1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.

1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Hoàng Lương, Hoàng An, Hoàng Vân, Đồng Tân.

1.6. Xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa

1.6.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.6.2. Diện tích tự nhiên: 3,74 km², đạt tỷ lệ 12,47%.

1.6.3. Quy mô dân số: 4.122 người, đạt tỷ lệ 51,53%.

1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 88 người; chiếm tỷ lệ 2,13%.

1.6.7. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.6.8. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thanh Vân.

1.7. Xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa

1.7.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.7.2. Diện tích tự nhiên: 5,91 km², đạt tỷ lệ 19,70%.

1.7.3. Quy mô dân số: 8.207 người, đạt tỷ lệ 102,59%.

1.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 73 người; chiếm tỷ lệ 0,89%.

1.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II, Đơn vị anh lực lượng vũ trang nhân dân.

1.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Ngọc Sơn, Hoàng Vân, Thanh Vân, Hoàng Lương và thị trấn Thắng.

1.8. Xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa

1.8.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.8.2. Diện tích tự nhiên: 4,37 km², đạt tỷ lệ 14,57%.

1.8.3. Quy mô dân số: 7.398 người, đạt tỷ lệ 92,48%.

1.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 124 người; chiếm tỷ lệ 1,68%.

1.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hoàng Thanh, Ngọc Sơn, Hoàng An, Thanh Vân.

1.9. Xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa

1.9.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.9.2. Diện tích tự nhiên: 5,14 km², đạt tỷ lệ 17,13%.

1.9.3. Quy mô dân số: 6.677 người, đạt tỷ lệ 83,46%.

1.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 81 người; chiếm tỷ lệ 1,21%.

1.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.

1.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Ngọc Sơn, Hoàng Lương.

1.10. Xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa

1.10.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.10.2. Diện tích tự nhiên: 4,39 km², đạt tỷ lệ 14,63%.

1.10.3. Quy mô dân số: 5.075 người, đạt tỷ lệ 63,44%.

1.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 66 người, tỷ lệ 1,3%

1.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thái Sơn, Hòa Sơn, Quang Minh, Hợp Thịnh, Mai Trung và thị trấn Thắng.

1.11. Xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa

1.11.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.11.2. Diện tích tự nhiên: 4,56 km², đạt tỷ lệ 15,20%.

1.11.3. Quy mô dân số: 6.434 người, đạt tỷ lệ 80,43%.

1.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 54 người, chiếm tỷ lệ 0,84%.

1.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hoàng Vân, Hùng Sơn, Hòa Sơn và thị trấn Thắng.

1.12. Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa

1.12.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.12.2. Diện tích tự nhiên: 5,07 km², đạt tỷ lệ 16,90%.

1.12.3. Quy mô dân số: 5.870 người, đạt tỷ lệ 73,38%.

1.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 57 người, chiếm tỷ lệ 0,97%.

1.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hòa Sơn, Hùng Sơn, Mai Trung, Đại Thành, Hợp Thịnh.

1.13. Xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa

1.13.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.13.2. Diện tích tự nhiên: 4,95 km², đạt tỷ lệ 16,50%.

1.13.3. Quy mô dân số: 7.017 người, đạt tỷ lệ 87,71%.

1.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 96 người, chiếm tỷ lệ 1,37%.

1.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thái Sơn, Hùng Sơn, Quang Minh.

1.14. Xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa

1.14.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.14.2. Diện tích tự nhiên: 3,0 km², đạt tỷ lệ 10,0%.

1.14.3. Quy mô dân số: 4.947 người, đạt tỷ lệ 61,84%.

1.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 43 người, chiếm tỷ lệ 0,87%.

1.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã An toàn khu II.

1.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Quang Minh, Hợp Thịnh.

1.15. Xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang

1.15.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có đồng bào sinh hoạt công giáo (tỷ lệ 17,9%).

1.15.2. Diện tích tự nhiên: 5,99 km², đạt tỷ lệ 19,97%.

1.15.3. Quy mô dân số: 7.956 người, đạt tỷ lệ 99,45%.

1.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 164 người, chiếm tỷ lệ 2,06%.

1.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

1.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Dương Đức, Tiên Lục.

1.16. Xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang

- 1.16.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.
- 1.16.2. Diện tích tự nhiên: 7,21 km², đạt tỷ lệ 14,42%.
- 1.16.3. Quy mô dân số: 8.038 người, đạt tỷ lệ 160,76%.
- 1.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 676 người, chiếm tỷ lệ 8,41%.
- 1.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- 1.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tân Hưng, Hương Lạc, Xương Lâm, Tân Thanh và thị trấn Vôi.

1.17. Xã Vũ Xá, huyện Lục Nam

- 1.17.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- 1.17.2. Diện tích tự nhiên: 10,24 km², đạt tỷ lệ 34,13%.
- 1.17.3. Quy mô dân số: 4.445 người, đạt tỷ lệ 55,56 %.
- 1.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 163 người, chiếm tỷ lệ 3,67%.
- 1.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- 1.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cẩm Lý, Đan Hội, Bắc Lũng.

1.18. Xã Đại Hóa, huyện Tân Yên

- 1.18.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- 1.18.2. Diện tích tự nhiên: 5,02 km², đạt tỷ lệ 16,73%.
- 1.18.3. Quy mô dân số: 5.067 người, đạt tỷ lệ 63,34%.
- 1.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 202 người, chiếm tỷ lệ 3,99% .
- 1.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- 1.18.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Phúc Sơn, Lan Giới, Quang Tiến, Lam Cốt.

1.19. Xã Quang Tiến, huyện Tân Yên

- 1.19.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- 1.19.2. Diện tích tự nhiên: 5,81 km², đạt tỷ lệ 19,37%.
- 1.19.3. Quy mô dân số: 5.866 người, đạt tỷ lệ 73,33%.
- 1.19.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 392 người, chiếm tỷ lệ 6,68%.
- 1.19.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- 1.19.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đại Hóa, Lan Giới, An Dương, Lam Cốt và thị trấn Nhã Nam.

1.20. Xã Lan Giới, huyện Tân Yên

- 1.20.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- 1.20.2. Diện tích tự nhiên: 5,63 km², đạt tỷ lệ 18,77%.

1.20.3. Quy mô dân số: 4.180 người, đạt tỷ lệ 52,25%.

1.20.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 305 người, chiếm tỷ lệ 7,3%.

1.20.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

1.20.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quang Tiến, Đại hóa và thị trấn Nhã Nam.

1.21. Xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên

1.21.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

1.21.2. Diện tích tự nhiên: 5,76 km², đạt tỷ lệ 19,20%.

1.21.3. Quy mô dân số: 6.280 người, đạt tỷ lệ 78,5%.

1.21.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 290 người, chiếm tỷ lệ 4,62%.

1.21.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

1.21.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Lam Cốt, Đại Hóa.

1.22. Xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế

1.22.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

1.22.2. Diện tích tự nhiên: 7,29 km², đạt tỷ lệ 14,58%.

1.22.3. Quy mô dân số: 6.475 người, đạt tỷ lệ 129,5%.

1.22.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.293 người, chiếm tỷ lệ 20%.

1.22.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gồm 10 dự án).

1.22.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đồng Tâm, Hồng Kỳ, Hương Vĩ, Đồng Hưu, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ.

1.23. Xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế

1.23.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

1.23.2. Diện tích tự nhiên: 8,58 km², đạt tỷ lệ 17,16%.

1.23.3. Quy mô dân số: 4.084 người, đạt tỷ lệ 181,51%.

1.23.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.902 người, chiếm tỷ lệ 46,6%.

1.23.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (gồm 10 dự án).

1.23.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề gồm: Xã Tam Tiến, Đồng Tâm, Tân Hiệp, Tiến Thắng và thị trấn Phồn Xương.

1.24. Xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế

1.24.1. Thuộc khu vực: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

1.24.2. Diện tích tự nhiên: 7,66 km², đạt tỷ lệ 15,32%.

1.24.3. Quy mô dân số: 4.606 người, đạt tỷ lệ 92,12%.

1.24.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.140 người, chiếm tỷ lệ 24,8%.

1.24.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (gồm 10 dự án).

1.24.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã An Thượng, Tam Hiệp, Tiến Thắng và thị trấn Phồn Xương.

2. Hiện trạng 05 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 nhưng không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù (01 thị trấn và 04 xã)

2.1. Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên

2.1.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021, thuộc yếu tố đặc thù theo khoản 2 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,59 km², đạt tỷ lệ 18,63%.

2.1.3. Quy mô dân số: 9.405 người, đạt tỷ lệ 117,56%.

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 351 người, chiếm tỷ lệ 3,73%.

2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tân Trung, An Dương, Quang Tiến và Lan Giới.

2.2. Xã Trường Giang, huyện Lục Nam

2.2.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề, thuộc yếu tố đặc thù theo điểm a khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 13,78 km², đạt tỷ lệ 27,56%.

2.2.3. Quy mô dân số: 3.305 người, đạt tỷ lệ 66,1%.

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 653 người, chiếm tỷ lệ 19,76%.

2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Có các thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 của Chính phủ.

2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Vô Tranh, Nghĩa Phương.

2.3. Xã An Thượng, huyện Yên Thế

2.3.1. Thuộc khu vực: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có đặc điểm về tôn giáo, tín ngưỡng; khác biệt về phong tục, tập quán, nếu nhập với ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về trật tự, an toàn xã hội, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở thuộc yếu tố đặc thù theo điểm c khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

2.3.2. Diện tích tự nhiên: 8,21 km², đạt tỷ lệ 27,37%.

2.3.3. Quy mô dân số: 4.989 người, đạt tỷ lệ 62,36%.

2.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 727 người, chiếm tỷ lệ 14,57%.

2.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

2.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tiến Thắng, Tân Hiệp thuộc huyện Yên Thế, thị trấn Nhã Nam và xã Lan Giới thuộc huyện Tân Yên.

2.4. Xã Vân Hà, thị xã Việt Yên

2.4.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15. Đồng thời được quy hoạch phát triển trở thành phường giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, thuộc yếu tố đặc thù quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2.4.2. Diện tích tự nhiên: 2,95 km², đạt tỷ lệ 9,83%.

2.4.3. Quy mô dân số: 8.892 người, đạt tỷ lệ 110,95%.

2.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người, chiếm tỷ lệ 0,56%.

2.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

2.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tiên Sơn; thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (qua Sông Cầu).

2.5. Xã Phì Điền, huyện Lục Ngạn

2.5.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: ĐVHC cấp xã được quy hoạch phát triển thành thị trấn giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh; xây dựng Đề án sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị thành lập thị trấn Phì Điền, huyện Lục Ngạn.

2.5.2. Diện tích tự nhiên: 7,29 km², đạt tỷ lệ 14,58%.

2.5.3. Quy mô dân số: 5.726 người, đạt tỷ lệ 327,2%.

2.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.614 người, chiếm tỷ lệ 63,12%.

2.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

2.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tân Quang, Giáp Sơn, Tân Hoa, Đồng Cốc.

3. Hiện trạng 03 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 nhưng đề nghị chuyển sang sắp xếp giai đoạn 2026-2030

3.1. Xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế

3.1.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: ĐVHC cấp xã nông thôn được quy hoạch nhập với thị trấn Phồn Xương, cần thời gian để quy hoạch và thực hiện quy trình đánh giá phân loại đô thị, hiện nay UBND huyện Yên Thế đang triển khai quy trình công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, đánh giá tiêu chuẩn đô thị, thuộc yếu tố đặc thù theo điểm d khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

3.1.2. Diện tích tự nhiên: 6,30 km², đạt tỷ lệ 12,60%.

3.1.3. Quy mô dân số: 2.708 người, đạt tỷ lệ 54,16%.

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 491 người, chiếm tỷ lệ 18,1%.

3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Thị trấn Phồn Xương, Đồng Lạc, Tam Hiệp, Đồng Kỳ, Hồng Kỳ, thị trấn Bồ Hạ.

3.2. Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế

3.2.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: ĐVHC cấp xã nông thôn được quy hoạch nhập với thị trấn Phồn Xương, cần thời gian để quy hoạch và thực hiện quy trình đánh giá phân loại đô thị, hiện nay UBND huyện Yên Thế đang triển khai quy trình công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, đánh giá tiêu chuẩn đô thị, thuộc yếu tố đặc thù theo điểm d khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,05 km², đạt tỷ lệ 12,10%.

3.2.3. Quy mô dân số: 4.276 người, đạt tỷ lệ 171,4%.

3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.700 người, chiếm tỷ lệ 39,8%.

3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Thị trấn Phồn Xương, Đồng Tâm, Tân Sỏi.

3.3. Xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế

3.3.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: ĐVHC cấp xã nông thôn được quy hoạch nhập với thị trấn Bồ Hạ, cần thời gian để quy hoạch và thực hiện quy trình đánh giá phân loại đô thị, hiện nay UBND huyện Yên Thế đang triển khai quy trình công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, đánh giá tiêu chuẩn đô thị, thuộc yếu tố đặc thù theo điểm d khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

3.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,40 km², đạt tỷ lệ 21,33%.

3.3.3. Quy mô dân số: 5.077 người, đạt tỷ lệ 63,46%.

3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 524 người, chiếm tỷ lệ 10,32%.

3.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đồng Lạc, Đồng Tâm, thị trấn Bồ Hạ.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 08 đơn vị (01 phường, 01 thị trấn và 06 xã)

4.1. Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

4.1.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,15 km², đạt tỷ lệ 20,9%.

4.1.3. Quy mô dân số: 14.023 người, đạt tỷ lệ 200,3%.

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 282 người, chiếm tỷ lệ 2,0%.

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Đình Kê, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Trần Nguyễn Hãn, Thọ Xương và Xương Giang.

4.2. Thị trấn Tân An, thành phố Bắc Giang (sau sắp xếp)

4.2.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 9,22 km², đạt tỷ lệ 65,86%.

4.2.3. Quy mô dân số: 12.321 người, đạt tỷ lệ 154,01%.

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 133 người, chiếm tỷ lệ 1,08%.

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Lão Hộ, Quỳnh Sơn, Hương Gián, Xuân Phú và xã Lan Mẫu huyện Lục Nam.

4.3. Xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa

4.3.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,68 km², đạt tỷ lệ 22,27%.

4.3.3. Quy mô dân số: 6.742 người, đạt tỷ lệ 84,28%.

4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 55 người, chiếm tỷ lệ 0,82%.

4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Xã an toàn khu II theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 08/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ; đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hoàng An, Thanh Vân, Thái Sơn và thị trấn Thắng.

4.4. Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang

4.4.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

4.4.2. Diện tích tự nhiên: 11,66 km², đạt tỷ lệ 23,32%.

4.4.3. Quy mô dân số: 10.707 người, đạt tỷ lệ 214,14%.

4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.365 người, chiếm tỷ lệ 12,75%.

4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Yên Mỹ, Tân Thanh, Tiên Lục, An Hà, Hương Sơn và thị trấn Kép.

4.5. Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang

4.5.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có đồng bào sinh hoạt công giáo (tỷ lệ 12,8%).

4.5.2. Diện tích tự nhiên: 14,54 km², đạt tỷ lệ 48,47%.

4.5.3. Quy mô dân số: 14.685 người, đạt tỷ lệ 183,56%.

4.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 175 người, chiếm tỷ lệ 1,19%.

4.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hương Lạc, Tân Thanh, Dương Đức, Đào Mỹ, An Hà.

4.6. Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam

4.6.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.6.2. Diện tích tự nhiên: 27,82 km², đạt tỷ lệ 92,73%.

4.6.3. Quy mô dân số: 9.968 người, đạt tỷ lệ 124,6%.

4.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 398 người, chiếm tỷ lệ 3,99%.

4.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Vũ Xã, Đan Hội, Bắc Lũng.

4.7. Xã Lam Cốt, huyện Tân Yên

4.7.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.7.2. Diện tích tự nhiên: 9,15 km², đạt tỷ lệ 30,50%.

4.7.3. Quy mô dân số: 8.619 người, đạt tỷ lệ 107,74%.

4.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 207 người, chiếm tỷ lệ 2,4%.

4.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Phúc Sơn, Đại Hóa, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Song Vân, Việt Ngọc.

4.8. Xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế

4.8.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

4.8.2. Diện tích tự nhiên: 8,98 km², đạt tỷ lệ 17,96%.

4.8.3. Quy mô dân số: 4.805 người, đạt tỷ lệ 274,57%.

4.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.312 người, chiếm tỷ lệ 68,93%.

4.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đồng Kỳ, Đồng Hưu, Hương Vĩ, Đồng Tâm, Đồng Vương.

5. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: Không có.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 2-1A, 2-1B, 2-1C, 2-2A, 2-2B, 2-2C kèm theo)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG

A. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

Về chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương tại Thông báo kết luận số 199/TB-VPCP ngày 09/7/2022; Bộ Nội vụ nhất trí tại Công văn số 2268/BNV-CQĐP ngày 30/5/2022.

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC NÔNG THÔN VỚI ĐVHC ĐÔ THỊ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP THÀNH ĐVHC ĐÔ THỊ CÙNG CẤP

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Yên Dũng (*diện tích tự nhiên là 191,74 km², đạt tỷ lệ 42,61% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 176.980 người, đạt tỷ lệ 147,48% tiêu chuẩn*) với thành phố Bắc Giang (*diện tích tự nhiên là 66,55 km², đạt tỷ lệ 44,37% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 194.171 người, đạt tỷ lệ 129,45% tiêu chuẩn*) để thành lập thành phố Bắc Giang.

1. Cơ sở lý do của việc sắp xếp: thành phố Bắc Giang là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh; tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa rất cao, hầu hết quỹ đất đã được quy hoạch và sử dụng hết, thiếu quỹ đất để phát triển đô thị, dịch vụ, công nghiệp; để đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị loại 1 thuộc tỉnh, đòi hỏi phải mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của thành phố và tỉnh Bắc Giang.

2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện: Thành phố Bắc Giang.

2.1. Diện tích tự nhiên: 258,29 km², đạt tỷ lệ 172,19 %.

2.2. Quy mô dân số: 371.151 người, đạt tỷ lệ 247,43%.

2.3. Số người dân tộc thiểu số: 5.481 người, chiếm tỷ lệ 1,48%.

2.4. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị xã Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam.

2.5. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thành phố Bắc Giang hiện hữu.

3. Tiêu chuẩn của thành phố Bắc Giang

3.1. Tiêu chuẩn 1: Diện tích tự nhiên

- Quy định với thành phố thuộc tỉnh là 150 km².

- Thành phố Bắc Giang có diện tích 258,29 km² (*gồm thành phố Bắc Giang có 66,55 km²; huyện Yên Dũng có 191,74 km²*), đạt tỷ lệ 172,19% tiêu chuẩn thành phố thuộc tỉnh theo quy định.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số quy định từ 150.000 người trở lên.

Thành phố Bắc Giang có 371.151 người (*gồm thành phố Bắc Giang có 194.171 người; huyện Yên Dũng có 176.980 người*), đạt tỷ lệ 247,43% tiêu chuẩn thành phố thuộc tỉnh theo quy định. **Đánh giá: Đạt.**

3.3. Tiêu chuẩn 3: Số ĐVHC trực thuộc (*Quy định từ 10 đơn vị trở lên*).

Thành phố Bắc Giang sau sắp xếp ĐVHC cấp xã có 31 ĐVHC cấp xã (*gồm 21 phường và 10 xã*).

- Tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC quy định đạt từ 65% trở lên.

Thành phố Bắc Giang sau sắp xếp ĐVHC cấp xã và thành lập phường: Có 21 phường/31 ĐVHC cấp xã, đạt tỷ lệ 67,74%. **Đánh giá: Đạt.**

3.4. Tiêu chuẩn 4: Phân loại đô thị

- Đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II trước khi tiến hành nhập ĐVHC.

- Thành phố Bắc Giang mở rộng đã hoàn thiện hồ sơ, đồ án đánh giá đạt tiêu chuẩn đô thị loại II và hồ sơ công nhận đạt tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để thành lập phường theo quy định. Đoàn khảo sát của Bộ Xây dựng đã khảo sát thực tế đánh giá đạt (*Bộ Xây dựng đang hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng quyết định công nhận đô thị loại II và Bộ Xây dựng quyết định công nhận đạt trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực thành lập phường*).

3.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1: Cân đối thu chi ngân sách (*Quy định cân đối dư*).

+ Cân đối thu chi ngân sách năm 2023 trên địa bàn thành phố Bắc Giang mở rộng: Thu ngân sách đạt 7.647,1 tỷ đồng (*thành phố Bắc Giang là 5.675,10 tỷ đồng; huyện Yên Dũng là 1.972 tỷ đồng*); chi ngân sách là 6.354,54 tỷ đồng (*thành phố Bắc Giang là 4.357,94 tỷ đồng; huyện Yên Dũng là 1.996,6 tỷ đồng*). Cân đối thu chi ngân sách dư. **Đánh giá: Đạt.**

- Tiêu chí 2: Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước:

+ Quy định đạt từ 1,05 lần so với bình quân chung cả nước.

+ Thu nhập bình quân đầu người thành phố Bắc Giang năm 2023 (*tính bình quân thu nhập trên dân số của từng ĐVHC*) là 80,3 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân cả nước là 59,4 triệu đồng/người/năm. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của thành phố Bắc Giang bằng 1,35 lần bình quân chung của cả nước. **Đánh giá: Đạt.**

- Tiêu chí 3: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:

+ Quy định đạt mức bình quân chung của tỉnh Bắc Giang là 13,92% (*năm 2021 là 8,52%; năm 2022 là 20,09%; năm 2023 là 13,45%*).

+ Tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố Bắc Giang (*tính theo tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất*) trung bình 3 năm 2021 - 2023 là 13,98% (*năm 2021 là 9,28%; năm 2022 là 15,55%; năm 2023 là 17,28%*). **Đánh giá: Đạt.**

- Tiêu chí 4: Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm gần nhất:

+ Quy định: Tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo trung bình 03 năm gần nhất của tỉnh Bắc Giang là 3,22% (năm 2021 là 5,27%, năm 2022 là 3,81%; năm 2023 là 2,63%).

+ Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2021 - 2023 trên địa bàn thành phố Bắc Giang là 1,175% (năm 2021 là 1,55%, năm 2022 là 1,17%, năm 2023 là 0,76%). Trong đó, thành phố Bắc Giang là 0,43% (năm 2021 là 0,47%, năm 2022 là 0,43%, năm 2023 là 0,39%); huyện Yên Dũng là 1,92% (năm 2021 là 2,63%, năm 2022 là 1,96%, năm 2023 là 1,18%). **Đánh giá: Đạt.**

- Tiêu chí 5: Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế:

+ Quy định từ 80% trở lên.

+ Tỷ trọng công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của thành phố Bắc Giang năm 2023 đạt 97,03%. Trong đó, thành phố Bắc Giang là 98,76%; huyện Yên Dũng là 92,23%. **Đánh giá: Đạt.**

- Tiêu chí 6: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành:

+ Quy định từ 80% trở lên.

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị năm 2023 là 91,49% (bao gồm toàn bộ 10 phường, 6 xã của thành phố Bắc Giang là 108.721/115.214 lao động, đạt 94,36%; 2 thị trấn và 6 xã của huyện Yên Dũng là 45.974/53.867 lao động, đạt 85,35%). **Đánh giá: Đạt.**

Thành phố Bắc Giang đạt 5/5 tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15).

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI ĐVHC NÔNG THÔN CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP THÀNH ĐVHC NÔNG THÔN VÀ ĐVHC ĐÔ THỊ CÙNG CẤP

1. Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn, huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động

1.1. Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động

1.2. Cơ sở lý do của việc sắp xếp: Huyện Lục Ngạn có sự khác biệt về sự phát triển kinh tế - xã hội giữa hai vùng: Các xã khu vực thị trấn Chũ mở rộng được tập trung phát triển công nghiệp, du lịch, nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ; các xã vùng cao chủ yếu phát triển kinh tế trang trại, vườn đồi, chủ lực là trồng rừng kinh tế, dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, có phong tục tập quán sinh hoạt riêng nên gặp khó khăn trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của huyện, không đồng bộ giữa hai vùng. Thành lập thị xã Chũ với vai trò là trung

tâm kinh tế phía Đông Bắc của tỉnh, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các vùng lân cận thuộc huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam.

1.3. Điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động, giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn huyện Lục Ngạn để đảm bảo công tác quản lý địa giới hành chính và quốc phòng an ninh

a) Điều chỉnh 75,93 km² diện tích tự nhiên của Trường bản Quốc gia khu vực 1 thuộc địa giới hành chính huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý.

Sau điều chỉnh huyện Sơn Động có diện tích tự nhiên 784,63 km², giữ nguyên dân số 89.311 người và 17 ĐVHC cấp xã; huyện Lục Ngạn có diện tích tự nhiên 1.108,44 km², dân số 254.506 người, 29 ĐVHC cấp xã.

b) Điều chỉnh 11,98 km² diện tích tự nhiên và dân số 520 người của thôn Khuân Rều thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn.

Sau điều chỉnh xã Thanh Hải có diện tích tự nhiên 17,09 km², dân số 17.413 người; xã Biên Sơn có diện tích tự nhiên 32,65 km², dân số 9.737 người.

c) Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ

Thành lập thị xã Chũ trên cơ sở diện tích tự nhiên 251,55 km² (*đạt tỷ lệ 125,78% tiêu chuẩn*); quy mô dân số 127.881 người (*đạt tỷ lệ 127,88% tiêu chuẩn*) và 10 ĐVHC cấp xã của huyện Lục Ngạn hiện hữu gồm: Chũ, Hồng Giang, Thanh Hải (*sau điều chỉnh địa giới hành chính*), Kiên Thành, Kiên Lao, Trù Hựu, Quý Sơn, Phượng Sơn, Mỹ An, Nam Dương.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn có diện tích tự nhiên 856,89 km², đạt tỷ lệ 100,81% tiêu chuẩn; quy mô dân số 125.625 người, đạt tỷ lệ 448,66% tiêu chuẩn; số người dân tộc thiểu số 82.159 người, chiếm tỷ lệ 65,4%; số ĐVHC cấp xã trực thuộc là 19 đơn vị (*17 xã và 02 thị trấn*): Thị trấn Phì Điền, thị trấn Biền Động và 17 xã: Tân Mộc, Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận, Đồng Cốc, Tân Quang, Giáp Sơn, Tân Hoa, Kim Sơn, Sa Lý, Phong Minh, Phong Vân, Tân Sơn, Cẩm Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Biên Sơn.

1.4. Kết quả sau sắp xếp, điều chỉnh địa giới ĐVHC cấp huyện, thị xã Chũ:

1.4.1. Diện tích tự nhiên: 251,55 km², đạt tỷ lệ 125,78%.

1.4.2. Quy mô dân số: 127.881 người, đạt tỷ lệ 127,88%.

1.4.3. Số dân là người dân tộc thiểu số: 50.985 người, chiếm tỷ lệ 39,87%.

1.4.4. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Huyện Lục Ngạn, Lục Nam.

1.4.5. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Huyện Lục Ngạn hiện hữu.

1.4.6. Tiêu chuẩn còn lại của thị xã Chũ sau khi thành lập

- Số ĐVHC trực thuộc (*Quy định từ 10 đơn vị trở lên*).

Hiện trạng: Thị xã Chũ dự kiến thành lập có 10 ĐVHC trực thuộc, gồm: Thị trấn Chũ và các xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Kiên Lao, Kiên Thành, Hồng Giang, Nam Dương, Phượng Sơn, Quý Sơn, Mỹ An. **Đánh giá: Đạt.**

+ Tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã (*Quy định là từ 50% trở lên*).

Hiện trạng: Thị xã Chũ dự kiến thành lập có 05 phường/10 ĐVHC cấp xã nằm trong phạm vi khu vực nội thị đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV và đánh giá đạt tiêu chuẩn về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường gồm: Chũ, Trù Hựu, Thanh Hải, Phượng Sơn và Hồng Giang. Như vậy, tỷ lệ số phường của thị xã Chũ đạt 50%. **Đánh giá: Đạt.**

- Đã được công nhận là đô thị loại IV

Thị xã Chũ dự kiến thành lập đã hoàn thiện hồ sơ, đồ án đánh giá tiêu chí đô thị loại IV và hồ sơ đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để thành lập phường theo quy định. Đoàn khảo sát của Bộ Xây dựng đã khảo sát thực tế đánh giá đạt (*Bộ Xây dựng đang hoàn thiện hồ sơ, quy trình để ra quyết định công nhận*).

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

+ Cân đối thu chi ngân sách (*Quy định cân đối thu, chi: Đủ*)

Hiện trạng: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Chũ dự kiến thành lập năm 2023 đạt 149,25 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương thực hiện là 149,25 tỷ đồng. Cân đối thu, chi: Đủ. **Đánh giá: Đạt.**

+ Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (*Quy định: bằng 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước*).

Hiện trạng: Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của thị xã Chũ dự kiến thành lập đạt 66,3 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2023 khoảng 59,40 triệu đồng/người/năm. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của thị xã Chũ dự kiến thành lập bằng 1,12 lần so với bình quân chung của cả nước. **Đánh giá: Đạt.**

+ Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất

Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 13,92% (*năm 2021 là 8,52%; năm 2022 là 20,09%; năm 2023 là 13,45%*).

Hiện trạng: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2023 của thị xã Chũ dự kiến thành lập đạt 10,48% (*năm 2021 đạt 8,26%; năm 2022 đạt 11,20%; năm 2023 đạt 12,00%*). **Đánh giá: Đạt¹.**

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (*năm 2021- 2023*).

Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 3,22% (*năm 2021 là 5,27%, năm 2022 là 3,81%; năm 2023 là 2,63%*).

¹ (Áp dụng bằng 70% tiêu chuẩn quy định đối với thị xã miền núi, vùng cao theo quy định tại khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm 2021 - 2023 của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ là 1,87% (năm 2021 là 1,95%; năm 2022 là 1,96%; năm 2023 là 1,71%). **Đánh giá: Đạt.**

+ Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

Quy định: Từ 75% trở lên.

Hiện trạng: Cơ cấu kinh tế năm 2023 của thị xã Chũ, gồm: Công nghiệp - xây dựng chiếm 41,82%; nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 32,71%; thương mại - dịch vụ chiếm 25,47%. **Đánh giá: Đạt².**

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị (Quy định từ 75% trở lên).

Hiện trạng: Tổng số lao động làm việc ở các ngành kinh tế trên địa bàn là 79.258 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp là 57.772 người, chiếm tỷ lệ 72,89%; lao động nông nghiệp là 21.486 người, chiếm tỷ lệ 21,11%. Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế khu vực nội thị là 44.524 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 35.190 người, chiếm 79,04%; lao động nông nghiệp khu vực nội thị là 8.334 người, chiếm 20,96%. **Đánh giá: Đạt.**

Như vậy, thị xã Chũ dự kiến thành lập đạt 5/5 tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh quy định Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15).

1.5. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện: huyện Lục Ngạn:

1.5.1. Diện tích tự nhiên: 856,89 km², đạt tỷ lệ 100,81%.

1.5.2. Quy mô dân số: 126.625 người, đạt tỷ lệ 448,66%.

1.5.3. Số dân là người dân tộc thiểu số: 82.159 người, chiếm tỷ lệ 65,4%.

1.5.4. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: huyện Sơn Động, Lục Nam và thị xã Chũ.

1.5.5. Số ĐVHC cấp xã trực thuộc là 19 ĐVHC cấp xã (17 xã và 02 thị trấn).

1.5.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Phì Điền, huyện Lục Ngạn.

Như vậy, huyện Lục Ngạn đạt 3/3 tiêu chuẩn của huyện thuộc tỉnh quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15).

1.6. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, huyện Sơn Động:

1.6.1. Diện tích tự nhiên: 784,63 km², đạt tỷ lệ 92,31%.

1.6.2. Quy mô dân số: 89.311 người, đạt tỷ lệ 279,1%.

1.6.3. Số dân là người dân tộc thiểu số: 53.364 người, chiếm tỷ lệ 59,75%.

1.6.4. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Huyện Lục Ngạn, Lục Nam.

1.6.5. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Huyện Sơn Động hiện hữu.

² (Áp dụng bằng 70% tiêu chuẩn quy định đối với thị xã miền núi, vùng cao theo quy định tại khoản 1 Điều 9a Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2023/UBTVQH15).

1.6.6. Tiêu chuẩn của huyện Sơn Động: Giữ nguyên diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, thị trấn và số ĐVHC cấp xã trực thuộc của huyện Sơn Động hiện hữu.

1.7. Thành lập 13 phường thuộc thành phố Bắc Giang; 05 phường thuộc thị xã Chũ và 02 thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn.

(chi tiết có Đề án về thành lập đô thị riêng kèm theo)

B. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THÀNH ĐVHC ĐÔ THỊ CÙNG CẤP VÀ SẮP XẾP ĐVHC NÔNG THÔN VỚI ĐVHC ĐÔ THỊ CẤP XÃ

1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trần Nguyên Hãn (diện tích tự nhiên là 0,87 km², đạt tỷ lệ 15,82% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.950 người, đạt tỷ lệ 170,71% tiêu chuẩn) **với phường Ngô Quyền** (diện tích tự nhiên là 1,15 km², đạt tỷ lệ 20,91% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.023 người, đạt tỷ lệ 200,3% tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

1.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: 02 ĐVHC đô thị cấp xã giáp ranh liền kề, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

1.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

1.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Phường Ngô Quyền.

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 2,02 km², đạt tỷ lệ 36,73%.

1.2.3. Quy mô dân số: 25.973 người, đạt tỷ lệ 371,04%.

1.2.4. Số người dân tộc thiểu số: 462 người, chiếm tỷ lệ 1,77%.

1.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Các phường: Xương Giang, Dĩnh Kế, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Thọ Xương, Lê Lợi.

1.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Ngô Quyền hiện hữu.

1.2.7. Tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định trường hợp ĐVHC hình thành sau sắp xếp không đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định thì ĐVHC sau sắp xếp phải đạt một trong các điều kiện: ĐVHC cấp xã có diện tích tự nhiên đạt từ 30% trở lên và quy mô dân số đạt từ 300% trở lên của tiêu chuẩn phường thuộc thành phố. Như vậy, phường Ngô Quyền (mới) đạt 36,73% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và 371,04% tiêu chuẩn về quy mô dân số là phù hợp với quy định nêu trên.

2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Lê Lợi (diện tích tự nhiên là 0,91 km², đạt tỷ lệ 16,55% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.285 người, đạt tỷ lệ 161,21% tiêu chuẩn) **với phường Trần Phú** (diện tích tự nhiên là 0,98 km², đạt tỷ lệ 17,82% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.014 người, đạt tỷ lệ 143,06% tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

2.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: 02 ĐVHC đô thị cấp xã giáp ranh liền kề, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

2.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

2.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Phường Trần Phú.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 1,89 km², đạt tỷ lệ 34,36%.

2.2.3. Quy mô dân số: 21.299 người, đạt tỷ lệ 304,27%.

2.2.4. Số người dân tộc thiểu số: 406 người, chiếm tỷ lệ 1,9%.

2.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Ngô Quyền, Dĩnh Kế, Hoàng Văn Thụ, Mỹ Độ, Đa Mai, Đồng Sơn, Tân Tiến, Thọ Xương.

2.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc: Phường Trần Phú hiện hữu.

2.2.7. Tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định trường hợp ĐVHC hình thành sau sắp xếp không đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định thì ĐVHC sau sắp xếp phải đạt một trong các điều kiện: ĐVHC cấp xã có diện tích tự nhiên đạt từ 30% trở lên và quy mô dân số đạt từ 300% trở lên của tiêu chuẩn phường thuộc thành phố. Như vậy, phường Trần Phú đạt 34,36% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và 304,27% tiêu chuẩn về quy mô dân số là phù hợp với quy định nêu trên.

3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lão Hộ (diện tích tự nhiên là 4,60 km², đạt tỷ lệ 15,33% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 3.989 người, đạt tỷ lệ 49,86% tiêu chuẩn) **với thị trấn Tân An** (diện tích tự nhiên là 9,22 km², đạt tỷ lệ 65,86% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.321 người, đạt tỷ lệ 154,01% tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

3.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: 02 ĐVHC cấp xã giáp ranh liền kề; xã Lão Hộ và thị trấn Tân An nằm trong quy hoạch phát triển thành phường Tân An; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

3.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC mới có:

3.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Phường Tân An.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 13,82 km², đạt tỷ lệ 251,27%

3.2.3. Quy mô dân số: 16.310 người, đạt tỷ lệ 233%.

3.2.4. Số người dân tộc thiểu số: 182 người, chiếm tỷ lệ 1,1%.

3.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hương Gián, Quỳnh Sơn, Xuân Phú.

3.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc: Thị trấn Tân An hiện hữu.

3.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

II. SẮP XẾP ĐVHC NÔNG THÔN CẤP XÃ THÀNH ĐVHC NÔNG THÔN CÙNG CẤP

1. Điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn

Điều chỉnh diện tích tự nhiên 11,98 km² và dân số là 520 người của thôn Khuân Rễo thuộc xã Thanh Hải (*diện tích tự nhiên là 29,07 km², đạt tỷ lệ 58,14% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.933 người, đạt tỷ lệ 797,02% tiêu chuẩn*) về xã Biên Sơn (*diện tích tự nhiên là 20,67 km², đạt tỷ lệ 41,31% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.217 người, đạt tỷ lệ 614,47% tiêu chuẩn*) để quản lý.

1.1. Cơ sở lý do của việc sắp xếp: Đã nêu tại Phần thứ nhất của Đề án.

1.2. Kết quả sau điều chỉnh ĐVHC:

1.2.1. Phường Thanh Hải có diện tích tự nhiên 17,09 km², đạt tỷ lệ 310,66%; quy mô dân số: 17.413 người, đạt tỷ lệ 696,52%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Kiên thành, phường Hồng Giang và xã Biên Sơn huyện Lục Ngạn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở làm việc của xã Thanh Hải hiện hữu.

1.2.2. Xã Biên Sơn có diện tích tự nhiên 32,65 km², đạt tỷ lệ 65,3%; quy mô dân số: 9.737 người, đạt tỷ lệ 649,13%; số người dân tộc thiểu số: 7.197 người, chiếm tỷ lệ 73,91%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hộ Đáp, Sơn Hải và thị xã Chũ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở làm việc của xã Biên Sơn hiện hữu.

2. Nhập 03 ĐVHC: xã Quang Minh, Hòa Sơn, Đại Thành, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quang Minh (*diện tích tự nhiên 5,07 km², đạt tỷ lệ 16,9% tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.870 người, đạt tỷ lệ 73,38% tiêu chuẩn*), xã Hòa Sơn (*diện tích tự nhiên 4,95 km², đạt tỷ lệ 16,50% tiêu chuẩn; quy mô dân số 7.017 người, đạt tỷ lệ 87,71% tiêu chuẩn*) với xã Đại Thành (*diện tích tự nhiên 3,00 km², đạt tỷ lệ 10% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.947 người, đạt tỷ lệ 61,84% tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

2.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 03 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

2.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

2.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Sơn Thịnh.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 13,02 km², đạt tỷ lệ 43,4%.

2.2.3. Quy mô dân số: 17.834 người, đạt tỷ lệ 222,93%.

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 196 người, chiếm tỷ lệ 1,1%.

2.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Hùng Thái và xã Hợp Thịnh.

2.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Quang Minh làm trụ sở chính và một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Đại Thành.

2.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

3. Nhập xã Hùng Sơn với xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hùng Sơn (*diện tích tự nhiên 4,39 km², đạt tỷ lệ 14,63% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.075 người, đạt tỷ lệ 63,44% tiêu chuẩn*) với xã Thái Sơn (*diện tích tự nhiên 4,56 km², đạt tỷ lệ 15,20% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.434 người, đạt tỷ lệ 80,43% tiêu chuẩn*) để thành lập xã Hùng Thái.

3.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liên kề; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

3.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

3.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Hùng Thái.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 8,95 km², đạt tỷ lệ 29,83%.

3.2.3. Quy mô dân số: 11.509 người, đạt tỷ lệ 143,86%.

3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 120 người, chiếm tỷ lệ 1,04 %.

3.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Sơn Thịnh, Hợp Thịnh, Mai Trung, Thường Thắng, Hoàng Vân và thị trấn Thắng.

3.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở của Đảng ủy, HĐND và UBND xã Hùng Sơn và một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Thái Sơn.

3.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới được quy hoạch phát triển thành phường tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 vào năm 2027, đảm bảo tiêu chuẩn của phường với diện tích đạt tỷ lệ 162,7%, dân số đạt tỷ lệ 231,72%.

4. Nhập xã Hoàng Lương với xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hoàng Lương (*diện tích tự nhiên 4,37 km², đạt tỷ lệ 14,57% tiêu chuẩn; quy mô dân số 7.398 người, đạt tỷ lệ 92,48% tiêu chuẩn*) với xã Hoàng Thanh (*diện tích tự nhiên 5,14 km², đạt tỷ lệ 17,13% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.677 người, đạt tỷ lệ 83,46% tiêu chuẩn*) để thành lập xã Toàn Thắng.

4.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề; phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

4.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

4.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Toàn Thắng.

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 9,51 km², đạt tỷ lệ 31,70%.

4.2.3. Quy mô dân số: 14.075 người, đạt tỷ lệ 175,94%.

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 205 người, chiếm tỷ lệ 1,46%.

4.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đồng Tiến, Hoàng Vân, Ngọc Sơn.

4.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Thanh và một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Lương.

4.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng, cùng nguồn gốc lịch sử (*năm 1953 được tách ra từ xã Toàn Thắng*); cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập, có đồng bao công giáo sinh sống và sinh hoạt tôn giáo trên cùng địa bàn dân cư. Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh có một mặt giáp ranh với huyện Tân Yên, các mặt còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

5. Nhập xã Hoàng Vân với xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hoàng Vân (*diện tích tự nhiên 6,68 km², đạt tỷ lệ 22,27% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.742 người, đạt tỷ lệ 84,28% tiêu chuẩn*) với xã Hoàng An (*diện tích tự nhiên 5,91 km², đạt tỷ lệ 19,7% tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.207 người, đạt tỷ lệ 102,59% tiêu chuẩn*) để thành lập xã Hoàng Vân.

5.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề; phong tục tập quán của người dân có nét tương đồng, cùng nguồn gốc lịch sử (*trước đây được tách ra từ một ĐVHC xã*); nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế xã hội và giao dịch của người dân khi nhập.

5.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

5.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Hoàng Vân.

5.2.2. Diện tích tự nhiên: 12,59 km², đạt tỷ lệ 41,97%.

5.2.3. Quy mô dân số: 14.949 người, đạt tỷ lệ 186,86%.

5.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 128 người, chiếm tỷ lệ 0,88 %.

5.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hùng Thái, thị trấn Thăng, Ngọc Sơn, Toàn Thắng, Đồng Tiến.

5.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Vân và một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng An.

5.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử trước năm 1945 cùng là một xã Tiên Tiến, đến năm 1953 được tách ra thành hai xã Hoàng Vân và Hoàng An; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác. Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Vân và xã Hoàng An một mặt giáp ranh với tỉnh Thái Nguyên, các mặt còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

6. Nhập xã Đồng Tân với xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Tân (*diện tích tự nhiên 3,74 km², đạt tỷ lệ 12,47% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.122 người, đạt tỷ lệ 51,53% tiêu chuẩn*) với xã Thanh Vân (*diện tích tự nhiên 4,18 km², đạt tỷ lệ 13,93% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.375 người, đạt tỷ lệ 79,69% tiêu chuẩn*) để thành lập xã Đồng Tiến.

6.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề, có phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; vị trí địa lý giáp ranh liền kề, cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế-xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

6.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

6.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Đồng Tiến.

6.2.2. Diện tích tự nhiên: 7,92 km², đạt tỷ lệ 26,4%.

6.2.3. Quy mô dân số: 10.497 người, đạt tỷ lệ 131,21%.

6.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 160 người, chiếm tỷ lệ 1,52%.

6.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hoàng Vân, xã Toàn Thắng.

6.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Thanh Vân hiện hữu.

6.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử trước năm 1945 cùng thuộc một xã Đồng Tiến, đến năm 1953 được tách ra thành hai xã Đồng Tân và Thanh Vân; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác. Mặt khác, xã Đồng Tân và Thanh Vân có vị trí địa lý 3 mặt giáp tỉnh Thái Nguyên, mặt còn lại giáp xã Hoàng Lương (*xã có đồng bào sinh hoạt công giáo*) là ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

7. Nhập xã Mỹ Hà với xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Hà (*diện tích tự nhiên là 5,99 km², đạt tỷ lệ 19,97% tiêu chuẩn; quy mô dân số 7.956 người, đạt tỷ lệ 99,45% tiêu chuẩn*) với xã Tiên Lục (*diện tích tự nhiên 14,54 km², đạt tỷ lệ 48,47% tiêu chuẩn; quy mô dân số 14.685 người, đạt tỷ lệ 183,56 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Tiên Lục.

7.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề, đều có đồng bào theo đạo Công giáo, đặc điểm sinh hoạt văn hoá, phong tục tập quán cụm dân cư có sự tương đồng; xã Tiên Lục quy hoạch xây dựng trụ sở nằm trên trục đường trung tâm của xã Mỹ Hà và Tiên Lục thuận lợi cho người dân liên hệ công việc.

7.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

7.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Tiên Lục.

7.2.2. Diện tích tự nhiên: 20,53 km², đạt tỷ lệ 68,43%.

7.2.3. Quy mô dân số: 22.641 người, đạt tỷ lệ 283,01%.

7.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 339 người, chiếm tỷ lệ 1,5%.

7.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đào Mỹ, An Hà, Hương Lạc, Tân Thanh, Dương Đức.

7.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tiên Lục hiện hữu.

7.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới có yếu tố đặc thù về tôn giáo, khác biệt với xã liền kề khác. Mặt khác, hiện nay UBND huyện Lạng Giang đang xây dựng một số khu dân cư tập trung để thu hút lao động về làm việc và sinh sống, vì 02 xã nằm liền kề với 02 khu công nghiệp Mỹ Thái và khu công nghiệp Đào Mỹ-Nghĩa Hưng. Dự kiến đến cuối năm 2025 quy mô về dân số sẽ vượt trên 300% theo quy định.

8. Nhập xã Yên Mỹ với xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Yên Mỹ (*diện tích tự nhiên là 7,21 km², đạt tỷ lệ 14,42% tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.038 người, đạt tỷ lệ 160,76% tiêu chuẩn*) với xã Hương Lạc (*diện tích tự nhiên 11,66 km², đạt tỷ lệ 23,32% tiêu chuẩn; quy mô dân số 10.707 người, đạt tỷ lệ 214,14 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Hương Lạc.

8.1. Nêu cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề, cùng thuộc diện hưởng các chính sách miền núi; văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

8.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

8.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Hương Lạc.

8.2.2. Diện tích tự nhiên: 18,87 km², đạt tỷ lệ 62,90%.

8.2.3. Quy mô dân số: 18.745 người, đạt tỷ lệ 374,9%.

8.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.041 người, chiếm tỷ lệ 10,89%.

8.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hương Sơn, Tân Hưng, Xương Lâm, Tân Thanh, Tiên Lục, An Hà và thị trấn Kép, thị trấn Vôl.

8.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Yên Mỹ hiện hữu.

8.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

9. Nhập xã Vũ Xá với xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vũ Xá (*diện tích tự nhiên 10,24 km², đạt tỷ lệ 34.13% tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.445 người, đạt tỷ lệ 55,59% tiêu chuẩn*) với xã Cẩm Lý (*diện tích tự nhiên 27,82 km², đạt tỷ lệ 92,73% tiêu chuẩn; quy mô dân số 9.968 người, đạt tỷ lệ 123,95 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Cẩm Lý.

9.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; phù hợp quy hoạch chung đô thị Cẩm Lý giai đoạn 2025 - 2030 (*theo Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang*).

9.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

9.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Cẩm Lý.

9.2.2. Diện tích tự nhiên: 38,06 km², đạt tỷ lệ 126,87 %.

9.2.3. Quy mô dân số: 14.413 người, đạt tỷ lệ 180,16%.

9.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 561 người, chiếm tỷ lệ 3,89%.

9.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đan Hội, Bắc Lũng, Huyện Sơn.

9.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Cẩm Lý hiện hữu.

9.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

10. Nhập 03 xã: Đại Hóa, Lan Giới và Quang Tiến, huyện Tân Yên

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đại Hóa (*diện tích tự nhiên 5,02 km², đạt tỷ lệ 16,73% tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.067 người, đạt tỷ lệ 63,34% tiêu chuẩn*) và xã Lan Giới (*diện tích tự nhiên 5,63 km², đạt tỷ lệ 18,77% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.180 người, đạt tỷ lệ 52,25 % tiêu chuẩn*) với xã Quang Tiến (*diện tích tự nhiên 5,81 km², đạt tỷ lệ 19,37% tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.866 người, đạt tỷ lệ 73,33 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Quang Trung.

10.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 03 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; cùng được tách ra từ xã Quang Trung trước đây nên phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

10.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

10.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Quang Trung.

10.2.2. Diện tích tự nhiên: 16,46 km², đạt tỷ lệ 54,87%.

10.2.3. Quy mô dân số: 15.113 người, đạt tỷ lệ 188,91%.

10.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 899 người, chiếm tỷ lệ 5,9%.

10.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã An Dương, Phúc Sơn và thị trấn Nhã Nam.

10.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Quang Tiến hiện hữu.

10.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

11. Nhập xã Phúc Sơn với xã Lam Cốt, huyện Tân Yên

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Sơn (*diện tích tự nhiên 5,76 km², đạt tỷ lệ 19,20% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.280 người, đạt tỷ lệ 78,5% tiêu chuẩn*) với xã Lam Cốt (*diện tích tự nhiên 9,15 km², đạt tỷ lệ 30,5% tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.619 người, đạt tỷ lệ 107,74 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Lam Sơn.

11.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; cùng được tách ra từ một xã Phúc Sơn trước đây (*Xã Phúc Sơn gồm 03 xã hợp thành Lý Cốt, Lam Khuất, Lãn Quật*) nên có cùng đặc điểm về lịch sử, văn hóa; phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

11.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

11.2.1 Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Lam Sơn.

11.2.2. Diện tích tự nhiên: 14,91 km², đạt tỷ lệ 49,7%.

11.2.3. Quy mô dân số: 14.899 người, đạt tỷ lệ 186,24 %.

11.2.4. Số người dân tộc thiểu số: 497 người, chiếm tỷ lệ 3,33%.

11.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đại hóa, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Song Vân, Việt Ngọc.

11.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Lam Cốt hiện hữu.

11.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới có yếu tố đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 do được quy hoạch phát triển thành ĐVHC đô thị giai đoạn 2030, đảm bảo tiêu chuẩn của thị trấn.

12. Nhập xã Tam Hiệp với xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tam Hiệp (*diện tích tự nhiên 8,58 km², đạt tỷ lệ 17,16% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.084 người, đạt tỷ lệ 181,51% tiêu chuẩn*) với xã Tân Hiệp (*diện tích tự nhiên là 7,66 km², đạt tỷ lệ 15,32% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.606 người, đạt tỷ lệ 92,12 % tiêu chuẩn*) để thành lập xã Tân Hiệp.

12.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, đều là xã miền núi; văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông gồm đường huyện và đường trục xã kết nối thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

12.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

12.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Tân Hiệp.

12.2.2. Diện tích tự nhiên: 16,24 km², đạt tỷ lệ 32,48%.

12.2.3. Quy mô dân số: 8.690 người, đạt tỷ lệ 347,6%.

12.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.042 người, chiếm tỷ lệ 33,84%.

12.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tam Tiến, Tiến Thắng, An Thượng, Đồng Tâm, Đồng Vương và thị trấn Phồn Xương.

12.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tam Hiệp hiện hữu.

12.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

13. Nhập xã Hồng Kỳ với xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hồng Kỳ (*diện tích tự nhiên 8,98 km², đạt tỷ lệ 17,96% tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.805 người, đạt tỷ lệ 274,57% tiêu chuẩn*) với xã Đồng Kỳ (*diện tích tự nhiên 7,29 km², đạt tỷ lệ 14,58% tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.475 người, đạt tỷ lệ 129,5% tiêu chuẩn*) để thành lập xã Đồng Kỳ.

13.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC giáp ranh liền kề, trước đây là 01 xã tách ra (*ngày 01/9/1994 được tách ra thành 02 xã*), đều là xã miền núi; văn hóa, phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông gồm đường huyện 268 và các đường trục xã kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

13.2. Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

13.2.1. Tên ĐVHC cấp xã mới là: Xã Đồng Kỳ.

13.2.2. Diện tích tự nhiên: 16,27 km², đạt tỷ lệ 32,54%.

13.2.3. Quy mô dân số: 11.280 người, đạt tỷ lệ 501,3%.

13.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.605 người, chiếm tỷ lệ 40,82%.

13.2.5. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đồng Hương, Đồng Vương, Đồng Tâm, Hương Vĩ và thị trấn Bồ Hạ.

13.2.6. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Đồng Kỳ hiện hữu.

13.2.7. Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

C. LÝ DO ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN PHẢI SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên: Là ĐVHC cấp xã đã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, thị trấn Nhã Nam thuộc trường hợp không bắt buộc thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2. Xã Trường Giang, huyện Lục Nam: Trước cách mạng tháng 8/1945, Trường Giang thuộc Tổng Mỹ Lương, huyện Lục Ngạn, do yếu tố biệt lập, giao thông đi lại rất khó khăn nên năm 1958, xã Trường Giang được chuyển về huyện Lục Nam quản lý. Vị trí địa lý của xã Trường Giang nằm trên đèo đất phù sa bồi đắp trong lòng sông Lục Nam, ba mặt giáp sông Lục Nam, phần còn lại tiếp giáp với xã Vô Tranh, Nghĩa Phương, tuy nhiên ngăn cách bởi dãy núi cao. Khoảng cách từ Trường Giang đến trung tâm xã Nghĩa Phương và xã Vô Tranh khoảng 25 km đường mòn nhỏ qua khe núi cao, ngâm qua suối, thường xuyên bị chia cắt cục bộ. Trục đường giao thông chính của Trường Giang là cầu phao dân sinh qua sông Lục Nam (*kết nối với Quốc lộ 31 qua địa bàn xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn*) và đường mòn qua khe núi, ngâm qua suối, về mùa mưa lũ phần lớn diện tích xã Trường Giang bị ngập úng, cô lập, chia cắt cục bộ với các khu vực xung quanh.

3. Xã An Thượng, huyện Yên Thế: Có 10/10 thôn có đồng bào công giáo sinh hoạt ở 02 nhà thờ, 4 thôn có tỷ lệ 95% dân số là người công giáo (trong đó: 01 nhà thờ Giáo xứ Tân An và 01 nhà thờ Họ Hồng Lĩnh); các ĐVHC cấp xã liền kề không có đồng bào công giáo. Do khác biệt về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, nếu nhập với ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về trật tự, an toàn xã hội, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở.

4. Xã Vân Hà, thị xã Việt Yên: Được quy hoạch phát triển trở thành phường giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045: "... Khu vực nội thị: Đến năm 2030 thành lập thành phố Việt Yên trực thuộc tỉnh Bắc Giang, khu vực nội thị bao gồm các phường thuộc thị xã Việt Yên và bổ sung các ĐVHC gồm: Việt Tiến, Tiên Sơn, Vân Hà...". Xã Vân Hà có địa hình là một đèo đất nhô cao ở ngoài đê và nằm trong lòng Sông Cầu; hằng năm về mùa mưa lũ thường xuyên bị chia cắt hoàn toàn với các địa phương khác bởi dòng sông Cầu, khó kết nối giao thông thuận lợi với các ĐVHC liền kề và khu vực lân cận.

5. Xã Phi Điền, huyện Lục Ngạn: Là ĐVHC được quy hoạch phát triển thành thị trấn giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh; Đề án sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, có nội dung thành lập thị trấn Phi Điền.

6. Các xã Đồng Tâm, Đồng Lạc (huyện Yên Thế) được quy hoạch nhập vào thị trấn Phồn Xương; xã Tân Sỏi được quy hoạch nhập vào thị trấn Bồ Hạ.

Theo đó, chưa thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025, vì lý do: Để đảm bảo việc sắp xếp 03 xã Đồng Tâm, Đồng Lạc, Tân Sỏi, huyện Yên Thế là ĐVHC nông thôn nhập với ĐVHC đô thị (*thị trấn Phồn Xương và thị trấn Bó Hạ*) theo quy định tại khoản 17, Điều 1, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung, đánh giá tiêu chuẩn đô thị của khu vực dự kiến thành lập ĐVHC đô thị mới, do đó cần thiết chuyển sang sắp xếp giai đoạn 2026-2030 để thực hiện quy trình thủ tục về quy hoạch và đánh giá tiêu chuẩn đô thị. Mặt khác, thị trấn Phồn Xương và thị trấn Bó Hạ là 02 ĐVHC đã sắp xếp giai đoạn 2019-2021, đến nay số lượng cán bộ, công chức còn dôi dư đang tập trung sắp xếp theo quy định.

D. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

1. Nhập 03 ĐVHC: xã Quang Minh, Hòa Sơn, Đại Thành, huyện Hiệp Hòa

Sau khi nhập, xã Sơn Thịnh có diện tích tự nhiên là 13,02 km², đạt tỷ lệ 43,4% so với tiêu chuẩn; dân số là 17.834 người, đạt tỷ lệ 222,93% so với tiêu chuẩn. Như vậy, sau khi sắp xếp thì xã mới vẫn chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, tại Khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định: “Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì ĐVHC hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, trừ trường hợp nhập từ 03 ĐVHC cùng cấp trở lên.” Theo đó, việc nhập 03 ĐVHC: xã Quang Minh, Hòa Sơn, Đại Thành, huyện Hiệp Hòa bảo đảm theo quy định về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

2. Nhập xã Hùng Sơn với xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa

Sau khi nhập, xã Hùng Thái có diện tích tự nhiên là 8,95 km²; dân số là 11.509 người. Theo quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang; Chương trình phát triển đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035 tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 và nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045 tại Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 21/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu xây dựng Hiệp Hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 và thị xã trước năm 2030. Theo đó, ranh giới khu vực nội thị dự kiến của thị xã Hiệp Hòa bao gồm xã Hùng Thái. Như vậy, sau khi Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh Bắc Giang cũng như huyện Hiệp Hòa sẽ huy động nguồn lực, tập trung đầu tư phát triển xã Hùng Thái trở thành phường thuộc thị xã Hiệp Hòa. Đối chiếu theo tiêu chuẩn của

phường thuộc thị xã³ thì xã Hùng Thái đạt 162,7% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và 231,72% tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường, đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, dân số của phường theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

3. Nhập xã Hoàng Lương với xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa

Sau khi nhập, xã Toàn Thắng có diện tích tự nhiên là 9,51 km², đạt tỷ lệ 31,70% so với tiêu chuẩn; dân số là 14.075 người, đạt tỷ lệ 175,94% so với tiêu chuẩn. Tuy nhiên, xã Hoàng Lương và xã Hoàng Thanh trước năm 1945 cùng là một xã Toàn Thắng, đến năm 1953 được tách ra thành hai xã Toàn Thắng và Quyết Thắng (*Năm 1971, đổi tên xã Toàn Thắng thành xã Hoàng Lương và xã Quyết Thắng thành xã Hoàng Thanh*); cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác (02 xã có người theo đạo Công giáo nên khi sắp xếp thì 2 đơn vị này sẽ phù hợp và khó phù hợp với các xã khác vì liên quan đến yếu tố tôn giáo). Nếu nhập với xã liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh giáp ranh với huyện Tân Yên; huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; các mặt còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

Quy hoạch vùng sản xuất và các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu: Xã Hoàng Lương và xã Hoàng Thanh được quy hoạch phát triển vùng nông nghiệp cá giống - rau Cần với nhiều sản phẩm tiêu biểu; tạo nên vùng nguyên liệu đủ tầm phát triển vươn rộng ra các thị trường khác trong nước và không ảnh hưởng chung đến sự phát triển quy hoạch nông nghiệp của huyện hiện nay và thị xã Hiệp Hòa trong tương lai.

4. Nhập xã Hoàng Vân với xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa

Sau khi nhập, xã Hoàng Vân có diện tích tự nhiên là 12,59 km², đạt tỷ lệ 41,97% so với tiêu chuẩn; dân số là 14.949 người, đạt tỷ lệ 186,86% so với tiêu chuẩn. Tuy nhiên, xã Hoàng Vân và xã Hoàng An trước năm 1945 cùng là một xã Tiền Tiến, đến năm 1953 được tách ra thành hai xã Hoàng Vân và Hoàng An; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác. Nếu nhập với xã liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Vân và xã Hoàng An một phía giáp ranh với tỉnh Thái Nguyên, các phía còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã

³ Được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của UBTVQH về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC khác. Xã Hoàng Vân và xã Hoàng An là vùng lõi của An toàn khu II huyện Hiệp Hòa theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 08/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận các xã An toàn khu II thuộc tỉnh Bắc Giang. 02 xã này có các di tích Quốc gia đặc biệt ATKII liên thông, kết nối trong 02 xã không thể chia tách sang đơn vị khác.

Quy hoạch vùng sản xuất và các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu: Hiện Hoàng Vân và Hoàng An được quy hoạch vùng phát triển cây trám đen (*một sản phẩm tiêu biểu đặc trưng của vùng đất Tiên Tiến xưa kia*); hiện huyện Hiệp Hòa đang xây dựng thương hiệu Trám đen đạt sản phẩm OCOP 3 sao và phấn đấu đạt sản phẩm 4 sao trong tương lai gần.

5. Nhập xã Đồng Tân với xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa

Sau khi nhập, xã Đồng Tân có diện tích tự nhiên là 7,92 km², đạt tỷ lệ 26,4% so với tiêu chuẩn; dân số là 10.497 người, tỷ lệ 131,21% so với tiêu chuẩn. Tuy nhiên, xã Đồng Tân và xã Thanh Vân trước năm 1945 cùng thuộc một xã Đồng Tiến, đến năm 1953 được tách ra thành hai xã Đồng Tân và Thanh Vân; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng. Trong khi đó, các xã Hoàng Vân, Hoàng An, Hoàng Lương liền kề với xã Đồng Tân, Thanh Vân nhưng có sự khác biệt tín ngưỡng cũng như truyền thống, phong tục, tập quán. Theo đó, nếu nhập thêm với các xã Hoàng Vân, Hoàng An, Hoàng Lương sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2019 - 2021 huyện Hiệp Hòa sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã là xã Đức Thắng và thị trấn Thắng, giảm 01 đơn vị. Giai đoạn 2023-2025 sắp xếp 11 ĐVHC cấp xã để thành lập 5 ĐVHC cấp xã mới, giảm 6 ĐVHC cấp xã (*cả giai đoạn 2019-2025, huyện Hiệp Hòa sắp xếp 13/26 xã, thị trấn, chiếm 50% tổng số ĐVHC cấp xã hiện có*). Khi thực hiện sáp nhập nhiều ĐVHC cùng thời điểm sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khó tạo sự đồng thuận của cử tri. Qua các kỳ đối thoại, tiếp xúc cử tri, có nhiều ý kiến của nhân dân đề nghị không thực hiện sáp nhập nhiều ĐVHC để đảm bảo ổn định đời sống, truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời tại địa phương.

6. Nhập xã Mỹ Hà với xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang

Sau khi nhập, xã Tiên Lục có diện tích 20,53 km², đạt tỷ lệ 68,34% tiêu chuẩn, dân số 22.641 người, đạt tỷ lệ 283,01% tiêu chuẩn. Trong đó có xã Tiên Lục là ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp; 02 đơn vị có cùng yếu tố đặc thù về tôn giáo, khác biệt với các ĐVHC cấp xã liền kề khác. Nếu nhập thêm 01 ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Mặt khác, hiện nay UBND huyện Lạng Giang đang xây dựng một số khu dân cư tập trung để thu hút lao động về làm việc và sinh sống, vì 02

xã nằm liền kề với 02 khu công nghiệp Mỹ Thái và Khu công nghiệp Đào Mỹ-Nghĩa Hưng. Dự kiến đến năm 2025 quy mô về dân số sẽ vượt trên 300% theo quy định.

7. Nhập xã Phúc Sơn với xã Lam Cốt, huyện Tân Yên.

Sau khi nhập, xã Lam Sơn có diện tích tự nhiên 14,91 km², dân số 14.899 người, được quy hoạch phát triển thành thị trấn giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên đến năm 2040, đảm bảo tiêu chuẩn của thị trấn với diện tích đạt tỷ lệ 106,5%, dân số đạt tỷ lệ 186,24%. Hiện nay, UBND huyện Tân Yên đang triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch chung, đánh giá phân loại đô thị theo quy định. Mặt khác, xã Lam Cốt thuộc diện khuyến khích sắp xếp.

Đ. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC GIANG SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 10 đơn vị (gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện)
- b) ĐVHC cấp xã 209 đơn vị (gồm 19 phường, 15 thị trấn, 175 xã)

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 10 đơn vị (gồm 01 thành phố, 02 thị xã và 07 huyện)
- b) ĐVHC cấp xã 192 đơn vị (gồm 35 phường, 14 thị trấn, 143 xã)

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện giảm: 0 đơn vị.
- b) ĐVHC cấp xã giảm: 17 đơn vị.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI ĐVHC CẤP HUYỆN

1. Tác động của việc nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang

1.1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

a) Tác động tích cực:

- Nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương của Trung ương, của tỉnh Bắc Giang về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Tổ chức sắp xếp lại phòng, ban chuyên môn thuộc Thành ủy, UBND thành phố, đảm bảo quy mô quản lý phù hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt

động của bộ máy chính quyền đô thị, thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dôi dư ở thành phố Bắc Giang tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của vị trí việc làm. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Góp phần thực hiện công tác cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

b) Một số khó khăn ban đầu:

- Quy mô dân số và diện tích lớn hơn nên việc giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, công dân thuộc thành phố Bắc Giang tăng lên, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dành nhiều thời gian hơn cho công tác quản lý nhà nước.

- Việc giải quyết cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư ở thành phố Bắc Giang sẽ gặp khó khăn.

1.2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực:

- Mở rộng không gian phát triển của thành phố Bắc Giang tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng và thế mạnh về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Giúp cho thành phố Bắc Giang có đủ điều kiện để thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Giang đến năm 2050 trở thành đô thị loại I, tăng cường khả năng thu hút đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm đầu tư công, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu ngân sách trên địa bàn.

- Tạo tiền đề thuận lợi để thành phố Bắc Giang thực hiện vai trò là đô thị cửa ngõ, trung tâm phía Đông bắc của vùng Thủ đô Hà Nội, có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng; phát triển các ngành kinh tế chủ đạo như: dịch vụ thương mại về xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của vùng Thủ đô Hà Nội, dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động phía Đông Bắc vùng Thủ đô Hà Nội; góp phần hình thành các mô hình kinh tế lớn, tránh tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch.

- Hệ thống giao thông kết nối, hạ tầng nông thôn sẽ được bổ sung đầu tư xây dựng, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Bắc Giang; việc tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sẽ giảm chi ngân sách hàng năm, tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Sắp xếp, kiện toàn hệ thống giáo dục, y tế góp phần nâng cao chất lượng, phục vụ nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng.

- 02 ĐVHC cấp huyện tương đồng về văn hóa, truyền thống lịch sử, phong tục tập quán sẽ tạo nên sự gắn kết cộng đồng cao trong nhân dân.

b) Một số khó khăn:

- Trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị ... dư thừa sẽ được giải quyết, song hiệu quả công năng sử dụng không được phát huy, cần được đầu tư sửa chữa nâng cấp hoặc xây mới với số lượng và kinh phí lớn.

- Cuộc sống của người dân xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính, thay đổi các loại giấy tờ có liên quan...; cấu trúc văn hóa làng xã trước đây sẽ có sự thay đổi nhất định ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

1.3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

a) Tác động tích cực:

- Làm cơ sở để tỉnh Bắc Giang rà soát, xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể về bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo từng giai đoạn; quy hoạch hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện; đồng thời, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ quan, doanh trại các cấp, các công trình quốc phòng trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, khu cất giấu vũ khí, trang bị, hệ thống trường bắn, thao trường, bãi tập, bến hạ thủy và một số hạng mục công trình mang tính lưỡng dụng, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu dân sinh và cơ động lực lượng, phương tiện khi có tình huống. Đây được xem là cơ sở quan trọng để tỉnh Bắc Giang nói chung và thành phố Bắc Giang nói riêng tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từ đó an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố; số lượng, chất lượng của lực lượng công an, quân sự từ thành phố đến xã, phường, thôn, tổ dân phố được nâng cao; công tác triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn được thực hiện thống nhất dẫn đến phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được phát triển hơn.

- Đầu tư cho quốc phòng, an ninh sẽ được tập trung hơn sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện; việc tập hợp lực lượng để bố trí thực hiện công việc cũng được tăng cường. Từ đó, đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc quản lý về quốc phòng, an ninh, giúp phát huy hiệu quả, tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

b) Khó khăn:

Thành phố Bắc Giang có quy mô diện tích rộng hơn và dân số nhiều thành phần dân cư hơn nên nguy cơ tiềm ẩn nhiều tệ nạn xã hội; công tác nắm

bất địa bàn, đối tượng gặp khó khăn; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội phức tạp hơn, gây khó khăn cho công tác quản lý.

1.4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

a) Tác động tích cực:

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, việc ứng dụng công nghệ thông tin được ưu tiên thực hiện; lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, tạo điều kiện phục vụ nhân dân tốt hơn.

- Việc tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thống nhất.

b) Khó khăn ban đầu:

Thành phố Bắc Giang có dân số đông, số lượng hồ sơ tiếp nhận nhiều trong khi số lượng nhân sự giảm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đồng bộ, khó khăn trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục. Nhất là trong thời gian đầu, khi người dân phải thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ khi thay đổi tên ĐVHC.

2. Tác động của việc sắp xếp lại ĐVHC của huyện Lục Ngạn, Sơn Động và thị xã Chủ

2.1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

a) Tác động tích cực

- Sau khi thành lập ĐVHC cấp huyện mới có quy mô hợp lý sẽ thuận tiện cho chính quyền địa phương trong việc quy hoạch, thu hút và bố trí dân cư trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng giúp chính quyền theo dõi, giám sát, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu của các thế lực thù địch, đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Việc quản lý nhà nước đối với Trường bắn quốc gia TB1 thu về 01 ĐVHC cấp huyện quản lý sẽ đảm bảo tốt hơn công tác quản lý, trao đổi, giải quyết các vấn đề liên quan công tác quốc phòng an ninh.

- Địa bàn huyện Lục Ngạn hiện hữu hình thành 2 vùng phát triển khác nhau (*vùng đồi núi thấp có địa hình thuận lợi cho phát triển và đang hình thành diện mạo của một đô thị mới; vùng núi cao có điều kiện tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa, cây ăn trái và du lịch sinh thái*) nên thời gian qua công tác quản lý gặp nhiều khó khăn. Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện mới phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, đô thị tương ứng với vùng phát triển sẽ tạo điều kiện tốt cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

- Việc hình thành ĐVHC cấp huyện có quy mô hợp lý sẽ khắc phục được tình trạng đẩy việc từ cấp huyện xuống dưới xã, thị trấn dẫn tới hiệu quả hoạt động và chất lượng công việc thấp; công tác nắm tâm tư nguyện vọng và vận động quần chúng của nhiều xã, thị trấn sẽ được thực hiện tốt hơn.

b) Một số khó khăn ban đầu

- Việc bảo đảm hoạt động thông suốt của bộ máy hành chính, bố trí trụ sở làm việc và giải quyết thủ tục hành chính thời gian đầu gặp khó khăn; số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức thiếu, chưa thể bố trí và tuyển dụng kịp thời, phải điều động, biệt phái từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác đến làm việc nên chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy gặp khó khăn.

- Một số chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương phải điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi, ranh giới quản lý địa giới ĐVHC mới, dẫn đến phải tiến hành lập điều chỉnh, phê duyệt lại quy hoạch của địa phương.

2.2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

- Thành lập huyện Lục Ngạn tại khu vực phía Đông Bắc để tỉnh Bắc Giang tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng phát triển; sắp xếp bố trí lại dân cư và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, rút ngắn khoảng cách phát triển với vùng thuận lợi, tạo điều kiện cho người dân liên hệ với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân được thuận tiện. Huyện Lục Ngạn có quỹ đất rộng, thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và chăn nuôi; thích hợp với phát triển cây ăn quả và là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; cùng với tiềm năng đất đai và lợi thế khác là điều kiện để mở rộng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, từ đó góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động địa phương.

- Huyện Lục Ngạn có dân số và nguồn nhân lực trẻ, cần cù, năng động và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh. Đây là một nguồn lực tốt có thể đáp ứng cho nhu cầu phát triển các ngành đặc biệt là công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Hiện nay, các tác động từ bên ngoài như hội nhập kinh tế, chiến lược phát triển và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước đối với tỉnh Bắc Giang và khu vực trung du miền núi phía Bắc... là điều kiện thuận lợi cho thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn tiếp tục phát huy thế mạnh và tranh thủ nhanh các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

b) Một số khó khăn

Hoạt động sản xuất, kinh doanh doanh nghiệp, sinh hoạt của người dân bị xáo trộn do thay đổi giấy tờ, thủ tục, địa chỉ.

2.3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

a) Tác động tích cực

- Thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn được thành lập sẽ đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh về kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng. Đây sẽ là địa bàn chiến lược quan trọng của tỉnh Bắc Giang và khu vực trung du miền núi phía

Bắc trong xây dựng thể trận phòng thủ, bảo vệ khu vực phía Đông bắc tổ quốc. Sau khi thành lập và đi vào hoạt động, thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút được các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đến sinh sống, làm việc góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

- Việc sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện xuất phát từ yêu cầu tăng cường và củng cố quốc phòng an ninh, do các ĐVHC nằm ở vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh nên sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính để ĐVHC mới có quy mô phù hợp giúp cho công tác quản lý, nắm bắt địa bàn được tốt hơn.

b) Khó khăn

Thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn đã và đang thu hút lực lượng lao động tới làm việc và buôn bán. Vì vậy, dân số tăng rất nhanh, dẫn đến công tác quản lý của chính quyền gặp khó khăn, cần tăng cường công tác quản lý địa bàn. Kinh tế phát triển, dân số biến đổi theo hướng tăng dân số cơ học, tạo áp lực lớn về quản lý xã hội, gia tăng nguy cơ bị kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.4. Tác động về môi trường

a) Tác động tích cực

- Việc hình thành ĐVHC cấp huyện có quy mô hợp lý là điều kiện thuận lợi để chính quyền địa phương cấp huyện tập trung thời gian giải quyết những vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn như nước thải, chất thải công nghiệp, sinh hoạt và các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ; là cơ sở để thu hút, tăng cường đầu tư cho môi trường (xử lý rác thải, chất thải rắn...) theo quy hoạch chung đô thị Chũ và quy hoạch vùng huyện Lục Ngạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc thành lập thị xã, ĐVHC có chức năng quản lý nhà nước về đô thị sẽ là cơ sở pháp lý cho việc giải quyết những bất cập trong quá trình quản lý, điều hành của chính quyền nông thôn hiện nay.

b) Khó khăn ban đầu

- Quá trình phát triển về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, phát triển đô thị, kinh doanh thương mại - dịch vụ - du lịch... làm chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao, song cũng gây các áp lực lên môi trường đất, nước, không khí; đồng thời, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống của các hệ sinh thái trong vùng.

- Phát triển du lịch, đặc biệt là các hoạt động du lịch sinh thái,... với việc khai thác các cảnh quan thiên nhiên, rừng và hệ sinh thái tự nhiên, có thể gây ra các tác động tiêu cực đến sự hình thành, phát triển của nhiều loài sinh vật nếu không có biện pháp kiểm soát và bảo vệ chặt chẽ, đặc biệt tại các rừng tự nhiên.

- Dân số gia tăng, đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh đã làm tăng nhu cầu về đất đai, diện tích rừng, đất nông nghiệp, mặt nước có nguy cơ bị thu hẹp, làm

ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân cũng như của các loài sinh vật sống trên đó.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp 32 ĐVHC cấp xã, trong đó có 24 đơn vị thuộc diện sắp xếp và 08 đơn vị thuộc diện khuyến khích sắp xếp (*gồm 04 phường, 01 thị trấn và 27 xã*) để thành lập 15 ĐVHC mới, giảm 17 ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang sẽ góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy ĐVHC, giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, giảm áp lực đối với ngân sách trung ương và địa phương; góp phần cải cách chính sách tiền lương, tăng mức phụ cấp đối với từng chức danh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước để chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Khi sáp nhập, đơn vị hành chính mới có dân số, diện tích lớn hơn, đòi hỏi bộ máy lãnh đạo mới phải đẩy mạnh và nhanh hơn việc rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới; các đơn vị hành chính mới sẽ lựa chọn được đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao hơn.

1.2. Tác động tiêu cực

Sắp xếp ĐVHC sẽ có thay đổi về tên ĐVHC giao dịch, ảnh hưởng đến tâm tư của người dân, kéo theo thay đổi trong các thủ tục hành chính đặc biệt ở những địa phương sau khi sắp xếp không còn tên ĐVHC cũ. Công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn sẽ lớn hơn, gây áp lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

Sau khi sắp xếp sẽ giảm được 17 ĐVHC cấp xã, tương ứng khoảng 340 biên chế cán bộ, công chức cấp xã và 200 người hoạt động không chuyên trách; hàng năm sẽ tiết kiệm được ngân sách nhà nước do giảm chi lương, chi phí hành chính như sửa chữa trụ sở, trang thiết bị, điện, nước... Vì vậy, đây sẽ là nguồn lực để tăng cường cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Không gian phát triển được mở rộng, nguồn lực được tập trung; tiềm năng, lợi thế của địa phương được khai thác hiệu quả, góp phần mở rộng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

2.2. Tác động tiêu cực

Khó khăn trong việc bố trí, sử dụng cơ sở hạ tầng đôi dư như trụ sở làm việc của Đảng uỷ, HĐND, UBND, Trạm y tế, nhà văn hoá xã...

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

Công tác an ninh chính trị, trật tự xã hội tiếp tục được giữ vững; chất lượng cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, dân quân tự vệ, trung đội dân quân cơ động sau khi được kiện toàn sẽ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng cho ĐVHC mới.

Đặc điểm tình hình về quốc phòng, khu vực phòng thủ của 2 đến 3 ĐVHC cấp xã có sự tương đồng, do đó sau khi sáp nhập sẽ thuận lợi trong việc diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ, tác chiến trên các địa hình.

3.2. Tác động tiêu cực

Địa bàn rộng, dân số đông hơn, tội phạm có chiều hướng hoạt động phức tạp hơn, nên việc quản lý sẽ gặp khó khăn nhất định.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Sau khi sáp nhập, việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công vẫn được thực hiện thông suốt, đồng bộ do được quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; chất lượng công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, kiện toàn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

4.2. Tác động tiêu cực

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính có phần lâu hơn khi lượng giao dịch nhiều hơn, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến nhân thân khi thay đổi ĐVHC.

5. Tác động khi nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC: Không có.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Trung ương ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ: Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về sắp xếp các ĐVHC; sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nhất là sự quyết tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội của các ĐVHC thực hiện sắp xếp và sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Việc sáp nhập ĐVHC cấp xã có quy mô nhỏ để thành lập ĐVHC có quy mô lớn hơn sẽ tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, vị trí địa lý để phát triển.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế; thu gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; tinh giản bộ máy, tiết kiệm chi ngân sách, góp phần vào sự thành công của cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Việc sáp nhập ĐVHC cấp xã không đạt tiêu chuẩn về diện tích, dân số theo quy định, mặc dù đã tính đến các yếu tố cơ bản khác như lịch sử truyền thống, địa lý tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị... Tuy nhiên, vẫn có những tác động tiêu cực nhất định đến hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

- Khi triển khai sáp nhập các ĐVHC cấp xã sẽ gây xáo trộn cho người dân và doanh nghiệp do phải chuyển đổi nhiều giấy tờ có liên quan từ ĐVHC cũ sang ĐVHC mới.

- Việc điều hành ngân sách của cấp xã mới sẽ gặp một số khó khăn vướng mắc, nhất là việc bố trí các nguồn trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản và huy động các nguồn xã hội hóa trên địa bàn; việc quản lý, xử lý các tài sản công dư thừa như các trụ sở, trạm y tế... nếu không được thực hiện tốt sẽ gây sự phản ứng trái chiều trong Nhân dân đặc biệt là các công trình mới được đầu tư, nâng cấp.

- Việc sáp nhập các ĐVHC cấp xã sẽ tác động đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cơ quan, đơn vị, đặc biệt là tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, công an xã và viên chức ngành y tế, giáo dục.

- Sau sắp xếp, địa bàn và phạm vi quản lý của ĐVHC mới sẽ lớn hơn, đòi hỏi trụ sở hành chính, nhà văn hóa, các công trình khác phải đáp ứng yêu cầu thực tế cho phù hợp, vì vậy cần phải có quy hoạch và nguồn kinh phí đầu tư khá lớn.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Việc sắp xếp ĐVHC diễn ra trong khoảng thời gian ngắn, công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ trương sắp xếp chưa nhiều nên đã tạo ra ý kiến khác nhau trong thực hiện sáp nhập.

- Các văn bản, giải pháp, hướng dẫn về giải quyết cán bộ, công chức dôi dư chưa kịp thời.

- Cùng một thời gian, chính quyền địa phương các cấp phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị lớn của trung ương, của tỉnh nên công tác thực hiện sắp xếp ĐVHC chưa được liên tục.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC

Bảo đảm sự thống nhất và hành động của các cấp, các ngành khi triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp ĐVHC nhằm xây dựng nền hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả để tạo sự đồng thuận trong nhân dân và trong hệ thống chính trị, nhất là đối với các ĐVHC thuộc diện phải sắp xếp.

Kịp thời ban hành và tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tại địa phương, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện. Tập trung nghiên cứu, xây dựng đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, định hướng giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, mục tiêu, phù hợp với quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng và quy hoạch nông thôn, đô thị. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong thực hiện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023 - 2030 nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cấp ủy, chính quyền các cấp, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giải quyết dôi dư cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đối với các ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025. Tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, ổn định bộ máy, làm tốt công tác tư tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức tại các ĐVHC được sắp xếp. Lựa chọn trụ sở làm việc dựa trên các tiêu chí bao gồm cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc.

Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp để chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức sau sắp xếp hoạt động liên tục, thông suốt. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức chuyển đổi giấy tờ liên quan đến thay đổi ĐVHC.

IV. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2024

- Thành lập các Tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, gồm: Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và Đề án sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và PTĐT.

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Trình HĐND các cấp thông qua về chủ trương.

- Hoàn thiện hồ sơ Đề án trình Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Phục vụ khảo sát tại thực địa và thẩm định hồ sơ Đề án tại Bộ Nội vụ; thẩm tra tại Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

- Tổ chức thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 -2025.

- Giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

1.2. Năm 2025

- Tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 (*trong đó có những ĐVHC hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025*).

- Tiếp tục giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp theo lộ trình.

- Tiếp tục xử lý trụ sở và tài sản công sau sắp xếp.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tổng kết, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Kinh phí tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng phương án, đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến cử tri; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp ĐVHC.

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Đối với việc sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện

(Chi tiết có Đề án riêng kèm theo)

2. Đối với cấp xã

2.1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

2.1.1. Đối với cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Tỉnh ủy về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, cụ thể như sau:

a) Đối với tổ chức đảng:

- Về tổ chức: Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Đề án, quyết định thành lập Đảng bộ xã mới trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất Đảng bộ các xã; chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy theo quy định của Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; Ủy viên Ủy ban kiểm tra không vượt quá tổng số hiện có của Đảng bộ các xã trừ số Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; Ủy viên Ủy ban kiểm tra chuyên công tác khác hoặc nghỉ hưu, nghỉ công tác.

b) Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Về tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện hướng dẫn việc xây dựng Đề án sắp xếp, chuyển giao tổ chức, quy trình thành lập tổ chức, xác định nhiệm kỳ đầu tiên theo quy định của Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên ủy ban, Ban Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

2.1.2. Đối với tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của HĐND, UBND cấp xã

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Đại biểu HĐND của các ĐVHC cũ hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; HĐND của ĐVHC mới bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định tại Điều 83 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra. Cụ thể như sau:

a) Đối với HĐND

- Về tổ chức: Thường trực HĐND huyện chỉ định 01 triệu tập viên trong số các đại biểu HĐND xã để triệu tập họp HĐND và bầu các chức danh HĐND xã mới khoá I (*trường hợp thay đổi tên ĐVHC mới*), nhiệm kỳ 2021-2026 (*theo quy định tại điều 134 Luật tổ chức Chính quyền địa phương*).

- Về số lượng: HĐND xã mới gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban pháp chế, Trưởng ban Kinh tế - xã hội và đại biểu của các xã trước khi sắp xếp để hoạt động đến hết nhiệm kỳ.

b) Đối với UBND

- Về tổ chức: UBND ở ĐVHC cấp xã mới gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên UBND và các chức danh công chức chuyên môn theo quy định hiện hành.

- Về số lượng: Gồm có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch UBND và từ 10 đến 14 công chức chuyên môn theo quy định hiện hành.

2.1.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 và quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Luật chuyên ngành, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, giữ nguyên cơ sở vật chất, phòng học các trường học để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường.

- Đối với các trạm y tế của các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã trước mắt giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự; giữ nguyên cơ sở vật chất của các trạm y tế (cũ) làm điểm khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân để phục vụ nhân dân thuận lợi nhất.

2.2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức sau sắp xếp ĐVHC cấp xã

2.2.1. Thực trạng số lượng

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã có mặt tại thời điểm sắp xếp ở 32 ĐVHC cấp xã là 620 người; số lượng cán bộ, công chức dự kiến bố trí tại 15 ĐVHC cấp xã mới là 357 người; số lượng cán bộ, công chức dôi dư 263 người.

Số người hoạt động không chuyên trách cấp xã có mặt tại thời điểm sắp xếp ở 32 ĐVHC cấp xã là 211 người; bố trí sắp xếp ở ĐVHC cấp xã mới là 209 người; dôi dư là 29 người.

2.2.2. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách sau khi thành lập xã mới:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Bố trí số lượng theo loại ĐVHC cấp xã loại I là 22 cán bộ, công chức/xã mới và căn cứ quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định được bố trí thêm công chức (*đây là mốc để xác định số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư*), cụ thể:

Phương án bố trí cụ thể tại mỗi ĐVHC cấp xã mới như sau:

- Cán bộ bố trí từ 10 đến 11 người, gồm:
 - + Bí thư Đảng ủy: 01 người.
 - + Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy: 01 người.
 - + Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND: 01 người.
 - + Phó Chủ tịch HĐND: 01 người.
 - + Phó Chủ tịch UBND: 02 người.
 - + Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người.
 - + Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: 01 người.
 - + Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 01 người.
 - + Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam: 01 người.
 - + Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 01 người.
- Công chức chuyên môn bố trí 10 đến 15 người, gồm các chức danh: Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường.

Như vậy, tổng số cán bộ, công chức bố trí ở ĐVHC mới là 276 người, gồm 132 cán bộ và 144 công chức.

b) Số lượng đại biểu HĐND: 556 người (giữ nguyên).

c) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã: Tối đa 209 người.

Thời gian lộ trình sắp xếp cán bộ, công chức đảm bảo sau 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội về việc sắp xếp từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công

chức ở ĐVHC sắp xếp đảm bảo đúng quy định theo Khoản 3, Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cán bộ, công chức cấp xã sau sắp xếp ĐVHC

a) Số lượng cán bộ, công chức dôi dư là 263 người; người hoạt động không chuyên trách là 29 người.

b. Phương án giải quyết dôi dư đối với cán bộ cấp xã

+ Tiếp nhận thành công chức cấp huyện trở lên trong trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

+ Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định tại Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ và theo phân cấp quản lý cán bộ.

+ Tiếp nhận sang chức danh công chức cấp xã hoặc tuyển dụng vào viên chức đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội.

+ Giải quyết chế độ, chính sách nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

+ Xây dựng chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc.

c) Phương án giải quyết đối với công chức cấp xã dôi dư

+ Đối với chức danh công chức quy định có 01 người đảm nhiệm: Lựa chọn 01 công chức để đảm nhiệm tại ĐVHC cấp xã mới, công chức còn lại thực hiện việc điều chuyển nội bộ trong ĐVHC cấp xã mới, bố trí làm công chức tăng thêm (nếu có) theo diện tích tự nhiên và quy mô dân số hoặc điều động sang ĐVHC cấp xã khác trong cùng ĐVHC cấp huyện nếu còn thiếu vị trí và có bằng chuyên môn phù hợp hoặc điều động, tiếp nhận sang ĐVHC cấp xã khác của huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh nếu còn thiếu vị trí và có bằng chuyên môn phù hợp.

+ Đối với các chức danh công chức được bố trí từ 02 người đảm nhiệm trở lên: Trước mắt bố trí công chức ở ĐVHC cấp xã mới theo số công chức có mặt hiện nay ở các ĐVHC cấp xã sắp xếp (nếu chưa bố trí ngay được số dôi dư); Chủ tịch UBND ở ĐVHC cấp xã mới có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho

từng công chức phù hợp với tình hình ở địa phương, trong thời gian 05 năm thực hiện giảm theo lộ trình quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên (*nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định*). Tuyển dụng vào viên chức đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Giải quyết chế độ, chính sách nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế và chế độ hỗ trợ của tỉnh.

+ Xây dựng chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc.

d) Phương án giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách

+ Số lượng người hoạt động không chuyên trách tại ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp đơn hành chính tiến hành bố trí, sắp xếp theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

+ Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đối với các bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

+ Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC có hiệu lực, UBND huyện, thành phố tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã có đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ.

+ Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu, thôi việc; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư ở thành phố Bắc Giang lên công tác trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội tại thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Căn cứ Công văn số 9899/BTC-QLCS ngày 15/9/2023 của Bộ Tài chính về việc xử lý trụ sở, tài sản công ĐVHC cấp huyện, cấp xã, UBND tỉnh Bắc Giang sẽ thực hiện các nội dung có liên quan theo thẩm quyền và hướng

dẫn UBND cấp huyện thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 bảo đảm đúng quy định. Thời hạn hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, cụ thể:

1.1. Sau sắp xếp phường Lê Lợi với phường Trần Phú để thành lập phường Trần Phú thuộc thành phố Bắc Giang, trụ sở làm việc đặt tại phường Trần Phú hiện hữu.

Đôi dư trụ sở phường Lê Lợi hiện hữu, bố trí sử dụng trụ sở làm việc của Công an phường Trần Phú.

1.2. Sau sắp xếp phường Trần Nguyên Hãn với phường Ngô Quyền để thành lập phường Ngô Quyền thuộc thành phố Bắc Giang, trụ sở làm việc đặt tại phường Ngô Quyền hiện hữu.

Đôi dư trụ sở phường Trần Nguyên Hãn hiện hữu, bố trí sử dụng để mở rộng Trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

1.3. Sau sắp xếp xã Vũ Xá với xã Cẩm Lý để thành lập xã Cẩm Lý thuộc huyện Lục Nam, trụ sở làm việc đặt tại xã Cẩm Lý hiện hữu.

Đôi dư trụ sở xã Vũ Xá hiện hữu để bố trí sử dụng trụ sở làm việc của Công an xã Cẩm Lý.

1.4. Sau sắp xếp xã Mỹ Hà với xã Tiên Lục để thành lập xã Tiên Lục thuộc huyện Lạng Giang, trụ sở làm việc đặt tại xã Tiên Lục hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Mỹ Hà hiện hữu, bố trí sử dụng làm trụ sở Trạm Y tế xã Tiên Lục. Trụ sở Trạm Y tế xã Tiên Lục hiện hữu trả lại mặt bằng cho khu di tích và cây Dã Hương (*đã nằm trong quy hoạch khu di tích*).

1.5. Sau sắp xếp xã Yên Mỹ với xã Hương Lạc để thành lập xã Hương Lạc thuộc huyện Lạng Giang, trụ sở làm việc đặt tại xã Yên Mỹ hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Hương Lạc hiện hữu, bố trí sử dụng làm trụ sở Trạm y tế xã Hương Lạc. Trụ sở Trạm Y tế xã Yên Mỹ hiện hữu bố trí mở rộng trụ sở làm việc xã Hương Lạc.

1.6. Sau sắp xếp xã Tam Hiệp với xã Tân Hiệp để thành lập xã Tân Hiệp thuộc huyện Yên Thế, trụ sở làm việc đặt tại xã Tam Hiệp hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Tân Hiệp hiện hữu, bố trí sử dụng làm trụ sở Công an xã.

1.7. Sau sắp xếp xã Hồng Kỳ với xã Đồng Kỳ để thành lập xã Đồng Kỳ thuộc huyện Yên Thế, trụ sở làm việc đặt tại xã Đồng Kỳ hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Hồng Kỳ hiện hữu, bố trí sử dụng làm trụ sở Công an xã.

1.8. Sau sắp xếp xã Đồng Tân với xã Thanh Vân để thành lập xã Đồng Tiến thuộc huyện Hiệp Hòa, trụ sở làm việc đặt tại xã Thanh Vân hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Đồng Tân hiện hữu, trước mắt bố trí sử dụng làm điểm Trạm Y tế để khám chữa bệnh cho nhân dân.

1.9. Sau sắp xếp xã Hoàng Lương với xã Hoàng Thanh để thành lập xã Toàn Thắng thuộc huyện Hiệp Hòa, trụ sở làm việc trước mắt lấy trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Thanh làm trụ sở chính; ngoài ra lấy một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Lương nếu thiếu.

1.10. Sau sắp xếp xã Hoàng Vân với xã Hoàng An để thành lập xã Hoàng Vân thuộc huyện Hiệp Hòa, trụ sở làm việc trước mắt lấy trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng Vân làm trụ sở chính; ngoài ra lấy một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hoàng An nếu thiếu.

1.11. Sau sắp xếp xã Hùng Sơn với xã Thái Sơn để thành lập xã Hùng Thái thuộc huyện Hiệp Hòa, trụ sở trước mắt lấy trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Hùng Sơn làm trụ sở chính; ngoài ra lấy một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Thái Sơn nếu thiếu.

1.12. Sau sắp xếp xã Quang Minh, Hòa Sơn và Đại Thành để thành lập xã Sơn Thịnh thuộc huyện Hiệp Hòa.

Trụ sở làm việc: Trước mắt lấy trụ sở của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Quang Minh làm trụ sở chính; lấy một phần các phòng làm việc của trụ sở Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Đại Thành nếu thiếu.

1.13. Sau sắp xếp xã Đại Hóa, Quang Tiến, Lan Giới để thành lập xã Quang Trung thuộc huyện Tân Yên, trụ sở làm việc đặt tại xã Quang Tiến hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Đại Hóa hiện hữu, bố trí sử dụng làm trụ sở Công an xã.

1.14. Sau sắp xếp xã Phúc Sơn với xã Lam Cốt để thành lập xã Lam Sơn thuộc huyện Tân Yên, trụ sở làm việc đặt tại xã Lam Cốt hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Phúc Sơn hiện hữu, bố trí Trường Mầm non Phúc Sơn quản lý mở rộng.

1.15. Sau sắp xếp xã Lão Hộ với thị trấn Tân An để thành lập phường Tân An thuộc thành phố Bắc Giang, trụ sở làm việc đặt tại thị trấn Tân An hiện hữu.

Đôi dư trụ sở làm việc xã Lão Hộ hiện hữu, bố trí đất hỗn hợp để quy hoạch thương mại, dịch vụ, đất ở, tổ chức bán đấu giá.

2. Hướng dẫn thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí để thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC; trình HĐND tỉnh quyết định miễn, giảm phí, lệ phí theo thẩm quyền.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Kết quả rà soát các ĐVHC cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau: Trong tổng số 32 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp có 11 đơn vị (gồm các xã: Thanh Vân, Đông Tân, Thái Sơn, Hùng Sơn, Hoàng Hương, Hồng Thanh, Đại Thành, Quang Minh, Hoàng Sơn, Hoàng An và Hoàng Vân thuộc huyện Hiệp Hòa) đang hưởng chế độ, chính sách của xã An toàn khu II; 02 đơn vị (gồm các xã: Tân Hiệp và Tam Hiệp thuộc huyện Yên Thế) đang hưởng chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Theo phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang tại Đề án này thì các đơn vị thực hiện sáp nhập như sau:

- Nhập xã Đông Tân và xã Thanh Vân; nhập xã Thái Sơn và xã Hùng Sơn; nhập xã Hoàng Hương và xã Hoàng Thanh; nhập xã Đại Thành, xã Quang Minh và xã Hoà Sơn; nhập xã Hoàng An và xã Hoàng Vân.

- Nhập xã Tân Hiệp và xã Tam Hiệp.

3. Thực hiện chế độ, chính sách đặc thù

3.1. Đối với xã ATK II

Các chính sách hỗ trợ đối với các xã an toàn khu, vùng an toàn khu trong kháng chiến chống pháp và chống Mỹ đến nay gồm có: Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân các xã an toàn khu cách mạng (trừ các đối tượng đã được hưởng chính sách bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành); chính sách hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng các xã an toàn khu, vùng an toàn khu, các thiết chế văn hóa xã an toàn khu cách mạng; tiếp tục thực hiện chính sách chương trình 135 cho tất cả các xã an toàn khu cách mạng (trừ các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đã được công nhận ra khỏi diện đầu tư của chương trình 135).

Như vậy, sau khi sáp nhập thì ĐVHC mới tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ như trước khi sắp xếp.

3.2. Đối với chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Căn cứ Văn bản số 1303/UBND-CSĐT ngày 27/7/2023 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với xã hình thành sau sắp xếp

trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì chế độ, chính sách được thực hiện như sau:

a) Về tên ĐVHC: Sử dụng tên gọi mới để thực hiện chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp;

b) Về chế độ, chính sách: Tiếp tục thực hiện chính sách như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hết thời hạn của chương trình; ngân sách phân bổ được tính trên cơ sở cộng gộp định suất trước khi sắp xếp. Trường hợp ĐVHC đang hưởng chế độ, chính sách sáp nhập với ĐVHC không hưởng thì tại khu vực hưởng chế độ, chính sách tiếp tục thực hiện cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích của việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã để cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh biết, thống nhất thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp; xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện tiêu Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo tỉnh, là đầu mối giúp Ban chỉ đạo, UBND tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã;

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; định kỳ báo cáo và kiến nghị Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh các giải pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kết luận số 48- KL/TW, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, Nghị quyết số 117/NQ-CP, Kế hoạch số 176/KH-UBND của UBND tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao và chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện, giải quyết có hiệu quả những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh và hướng dẫn về kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan; hướng dẫn xử lý, sắp xếp trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp ĐVHC.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch của địa phương, thống nhất với Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025 và có tính đến việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2026-2030 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tham mưu thực hiện các giải pháp huy động, bố trí nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội, trụ sở làm việc của xã mới thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện rà soát bản đồ địa giới hành chính hiện trạng và phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tổ chức lực lượng dân quân tự vệ tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp, phối hợp với Công an tỉnh và đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và thực hiện tốt phương án giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và thực hiện tốt phương án đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã và công tác tổ chức lấy ý kiến cử tri tại các địa phương thực hiện việc sắp xếp; theo dõi nắm chắc tình hình, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định của nhà nước về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Xây dựng Kế hoạch, chỉ đạo việc bố trí sắp xếp công an chính quy tại các xã, huyện thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh ban hành văn bản và tổ chức các cuộc họp của UBND tỉnh liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, thẩm định trình Chính phủ báo cáo kết quả các bước triển khai và kết quả tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

7. UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tại địa phương về chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Kịp thời thông tin, báo cáo về số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ xây dựng đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Chủ trì thực hiện trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến cử tri, chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC.

- Lập dự toán kinh phí lấy ý kiến cử tri, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

UBND tỉnh Bắc Giang đã triển khai thực hiện lập hồ sơ Đề án ngay sau Hội nghị toàn quốc triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Việc thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục và đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025 xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và quy hoạch ĐVHC đô thị, nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giải quyết các bất hợp lý về địa giới ĐVHC.

2. Đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025, UBND tỉnh Bắc Giang đề nghị Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NV, XD, TNMT;
- UBND cấp huyện;
- Thành viên BCD thực hiện NQ 233;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương